

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

NỘI DUNG



THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành & phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Định hướng phát triển
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Các rủi ro



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức & Nhân sự
- Tình hình đầu tư & thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường & xã hội



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu và tổ chức
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc & Ban Kiểm Soát



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	06
Quá trình hình thành và phát triển	08
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Định hướng phát triển	12
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	16
Các rủi ro	20

01 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Tên tiếng Anh:	PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	PROTRADE GARMENT JSC
Mã cổ phiếu:	BDG
Giấy chứng nhận ĐKDN:	3700769438 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23/12/2006, thay đổi lần thứ 05 ngày 27/03/2025
Vốn điều lệ:	247.999.200.000 đồng
Vốn đầu tư chủ sở hữu:	248.129.534.259 đồng
Địa chỉ:	Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	0274 3755143
Fax:	0274 3755415
Email:	info@protradegarment.com
Website:	www.protradegarment.com



02 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1989

Thành lập vào tháng 11 năm 1989 với tiền thân là Xí nghiệp May mặc Hàng xuất khẩu, trực thuộc Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương. Hai dòng sản phẩm chủ lực là áo jacket và hàng thun. Kết quả sản xuất kinh doanh khả quan cùng chính sách đổi mới từ năm 1986 đã tạo tiền đề để Công ty mở rộng quy mô và khẳng định uy tín trên thị trường quốc tế.

2007

Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương được thành lập theo Quyết định thành lập và bổ nhiệm thành viên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2014

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 03/04/2014 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương trực thuộc Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH MTV.

2015

01/10/2015: Tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Công ty tổ chức đấu giá lần đầu ra công chúng với 2.701.981 cổ phần, tương đương 22,52% vốn điều lệ và đã bán hết với giá trúng thầu bình quân 20.577 đồng/cổ phần.

01/12/2015: Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương.

2016

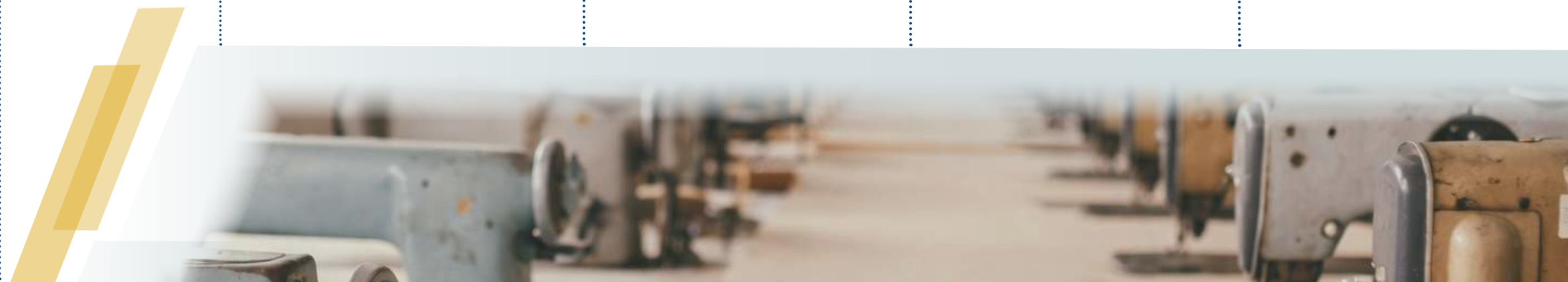
Ngày 15/01/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 281/UBCK-GSĐC. Ngày 06/04/2016, Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BDG của UBND tỉnh Bình Dương.

2022

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 247,9992 tỷ đồng thông qua hai hình thức: phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

2024

Sau 35 năm hình thành và phát triển, Công ty đã xây dựng được nền tảng vững chắc với đội ngũ hơn 1.800 nhân sự tâm huyết, sáng tạo và chuyên nghiệp. Tư duy phát triển bền vững gắn liền với cam kết về chất lượng sản phẩm, tinh thần trách nhiệm và đổi mới không ngừng đã tạo nên dấu ấn rõ nét về tăng trưởng doanh thu, mở rộng thị trường và xây dựng niềm tin vững chắc nơi khách hàng và cộng đồng.



03 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

» NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Sản xuất quần áo may sẵn (Chính)



Sản xuất các đồ phụ trợ (cổ cồn
đăng ten, thuê ren, thắt lưng)



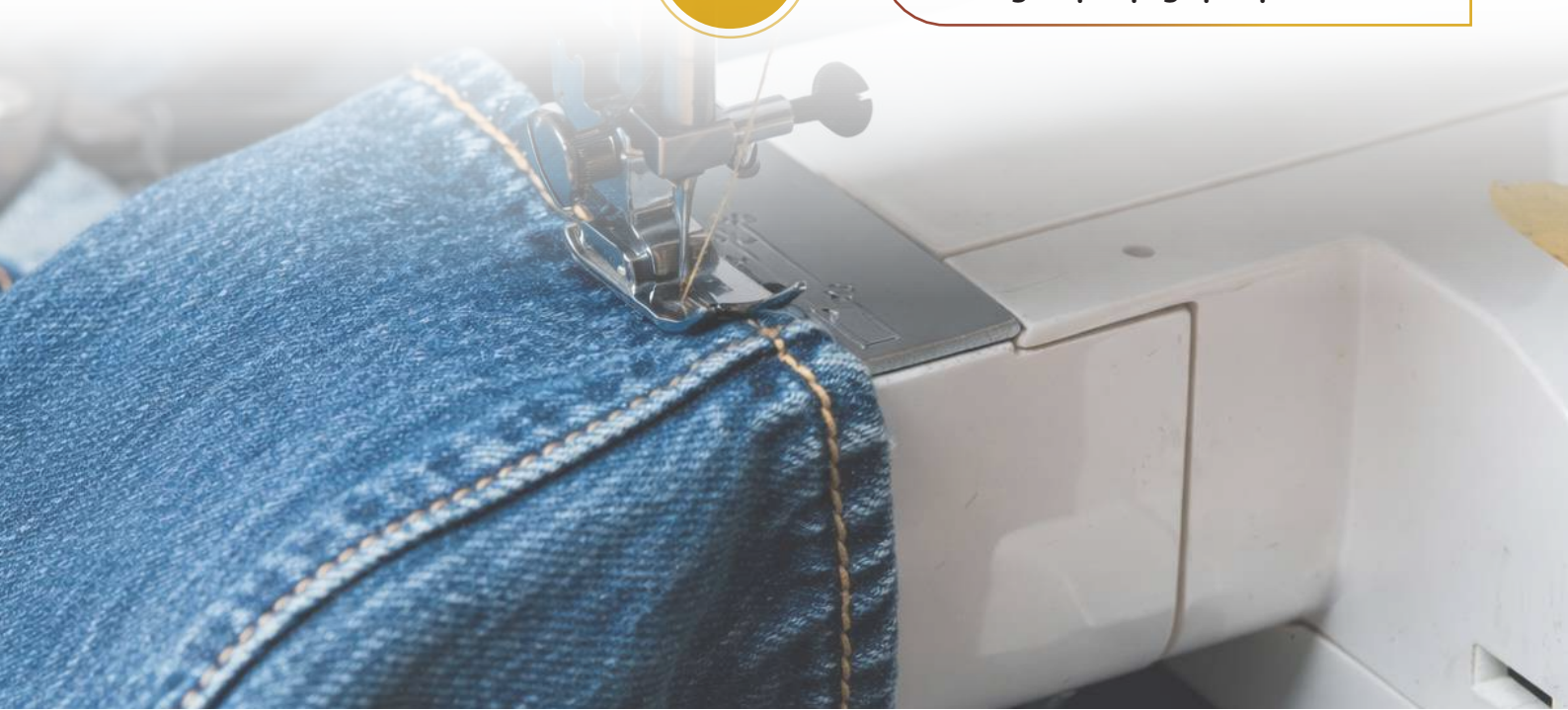
Mua bán hàng may thuê



Mua bán nguyên phụ liệu
ngành may mặc



Kinh doanh dịch vụ wash
(không hoạt động tại trụ sở)



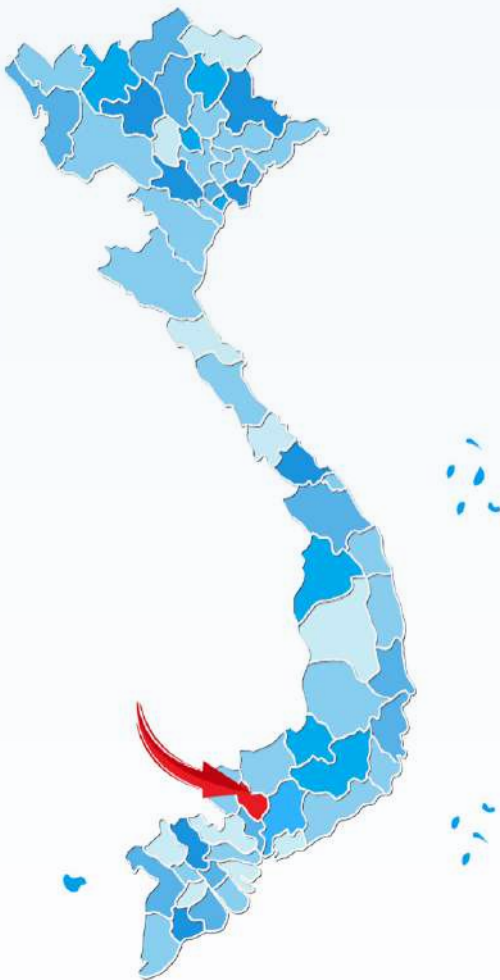
» ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trụ sở chính

Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thị trường

Về cơ cấu thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu vào thị trường xuất khẩu. Trong khi thị trường nội địa chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chủ yếu thông qua các đơn hàng gia công cho các doanh nghiệp trong nước, thì thị trường xuất khẩu đóng vai trò chủ lực, đặc biệt là tại khu vực Châu Âu và Mỹ – hai thị trường truyền thống và chiến lược của Công ty.



04 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

» GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- 01
- Liên chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.
- 02
- Tôn trọng công ty, tôn trọng đối tác, tôn trọng đồng nghiệp.
- 03
- Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.
- 04
- Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.
- 05
- Tuân thủ Luật pháp, Bộ Quy tắc ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

» TÂM NHÌN

Trở thành công ty dệt may hàng đầu tại Việt Nam, là nơi để khách hàng đặt niềm tin về chất lượng và kiểu mẫu.

» SỨ MỆNH

Duy trì và hướng tới sự phát triển bền vững

Thành công của công ty sẽ góp phần bảo vệ môi trường xanh và mang lại những giá trị cốt lõi hữu ích cho xã hội.

Mang lại sự hài lòng cao nhất cho mỗi khách hàng

Hợp tác trên cơ sở chia sẻ lợi ích một cách toàn diện và hiệu quả bằng những sản phẩm tốt nhất và chất lượng dịch vụ cao nhất.

Tạo dựng một môi trường

Đầu tư chuyên nghiệp và hiệu quả cùng với môi trường làm việc lý tưởng, thân thiện.



04

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

»

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Tập trung phát triển chuyên sâu hai dòng sản phẩm chủ lực có tỷ trọng đóng góp cao vào lợi nhuận, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu và tiếp cận đa dạng hơn các tệp khách hàng. Công ty xác định chất lượng sản phẩm là yếu tố then chốt trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ công nhân nhằm đáp ứng yêu cầu công nghệ mới trong sản xuất, từ đó đảm bảo chất lượng đồng đều và vượt trội trên từng sản phẩm.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và công tác nhân sự tại Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

»

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

»

Cải tiến quy trình sản xuất

Tăng cường ứng dụng các công nghệ hiện đại như Lean Manufacturing và công nghệ giặt (Washing Technology) nhằm giảm thiểu chi phí, hạn chế hao hụt trong quá trình sản xuất và nâng cao hiệu suất trên từng đơn vị sản phẩm.

»

Mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu

Tìm kiếm và khai thác các thị trường tiềm năng, đặc biệt là khu vực Châu Phi và các quốc gia có nhu cầu cao trong ngành may mặc. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác với các đối tác quốc tế nhằm mở rộng mạng lưới phân phối toàn cầu.

»

Phát triển nguồn nhân lực

Tạo dựng môi trường làm việc tích cực, khuyến khích sáng tạo và hiệu quả, đồng thời đẩy mạnh đào tạo chuyên môn để nâng cao tay nghề cho người lao động. Bên cạnh đó, chú trọng các chính sách phúc lợi nhằm giữ chân nhân sự chất lượng cao và tạo sự gắn bó lâu dài với Công ty.

»

Quản trị rủi ro chuỗi cung ứng

Mở rộng mạng lưới nhà cung cấp nhằm hạn chế rủi ro phụ thuộc vào một nguồn nguyên liệu. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng đầu vào để đảm bảo nguyên vật liệu đầu vào đạt chuẩn, phục vụ hiệu quả cho quá trình sản xuất.

»

Phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội

Phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội: Đầu tư vào các dự án sản xuất sạch và thân thiện với môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng. Xây dựng kế hoạch di dời và đầu tư mới các nhà xưởng tại những khu vực đáp ứng hoặc tiệm cận tiêu chuẩn LEED, góp phần giảm thiểu ô nhiễm và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp trách nhiệm.

»

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Môi trường

- Giảm thiểu ô nhiễm và tác động môi trường: Công ty chú trọng áp dụng các biện pháp giảm phát thải, tăng cường tái chế và tái sử dụng nguyên liệu trong toàn bộ quy trình sản xuất nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.
- Chuyển đổi sang năng lượng sạch: Đẩy mạnh đầu tư vào các hệ thống sử dụng năng lượng tái tạo nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng truyền thống và từng bước hiện thực hóa mục tiêu giảm thiểu lượng khí thải carbon.

Xã hội -
Cộng đồng

- Bảo đảm điều kiện làm việc và phúc lợi người lao động: Công ty không ngừng cải thiện môi trường làm việc, tăng cường đảm bảo an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi phù hợp với sức lao động và đóng góp của người lao động.
- Đào tạo và phát triển kỹ năng: Tập trung nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới công nghệ, từ đó góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất.

Cam kết

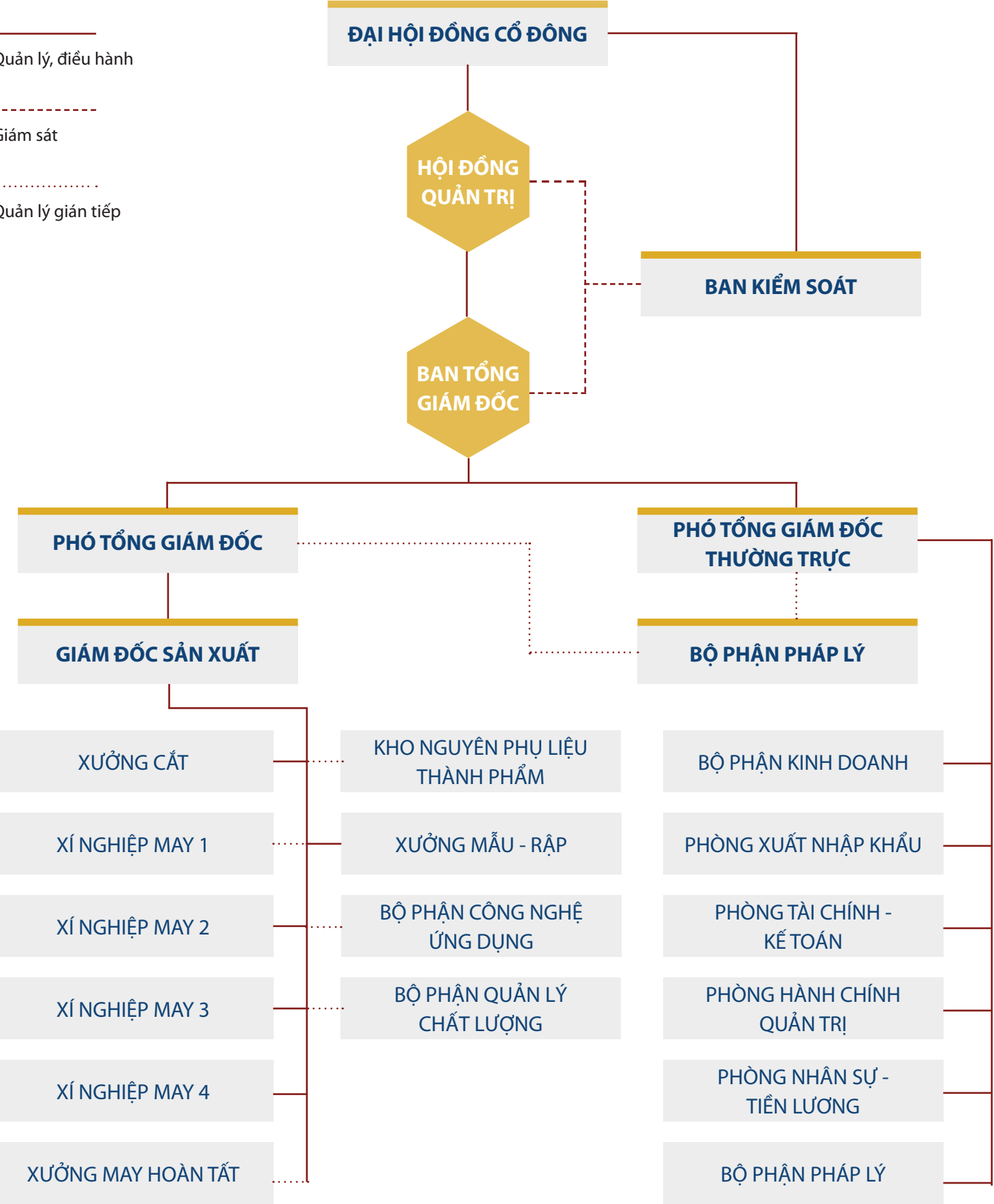
- Hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương: Công ty triển khai các chương trình hỗ trợ giáo dục, chăm sóc sức khỏe và thúc đẩy phát triển kinh tế tại các khu vực lân cận nơi doanh nghiệp hoạt động, góp phần cải thiện đời sống người dân.
- Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững: Phát triển các dòng sản phẩm thân thiện với môi trường và đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về lợi ích của tiêu dùng bền vững, góp phần xây dựng một hệ sinh thái tiêu dùng có trách nhiệm.



05

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức định kỳ một (01) lần mỗi năm và có thể được triệu tập bất thường khi cần thiết. Địa điểm tổ chức Đại hội phải được xác định là nơi chủ tọa tham dự và nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế các thành viên Hội đồng quản trị; thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quyết định mức cổ tức hàng năm; lựa chọn đơn vị kiểm toán và thực hiện các quyền khác theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, có nhiệm vụ và quyền hạn kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát thẩm định các báo cáo tài chính quý, sáu tháng và năm của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; đánh giá hiệu quả quản lý của Hội đồng quản trị để báo cáo Đại hội đồng cổ đông; đồng thời kiến nghị các giải pháp cải tiến mô hình tổ chức, quản lý và điều hành Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có quyền đại diện Công ty quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm Công ty hoạt động tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ; đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đối xử công bằng với cổ đông và các bên liên quan.

Tính đến ngày 31/12/2025, Hội đồng quản trị Công ty gồm 07 thành viên. Tất cả thành viên đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc điều hành các hoạt động của Công ty theo định hướng chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt. Ban điều hành có nhiệm vụ bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, vận hành hiệu quả, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông và các bên liên quan.

Thành phần Ban điều hành bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

05 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỜI TRANG

Địa chỉ : Lô số 20 - 8, Đường số 8B, KCN Quốc tế Protrade, Xã An Tây, TP. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Lĩnh vực SXKD chính : Wash

Tỷ lệ sở hữu của BDG : 76,08%

CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP May mặc Bình Dương không có công ty liên kết.

CÁC CHỨNG NHẬN, GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



CÁC CHỨNG NHẬN, GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Huân chương lao động Hạng Nhì

Chủ tịch nước



Hiệp hội dệt may có thành tích xuất sắc trong hoạt động ngành Công Thương

Giám đốc Sở Công thương tỉnh Bình Dương

Đơn vị tiên tiến trong phong trào toàn dân phòng cháy chữa cháy

Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương



Đơn vị có thành tích trong hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương

Đơn vị có nhiều đóng góp trong hoạt động nhân đạo

UBND tỉnh Bình Dương



06 CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro khi tăng trưởng duy trì ở mức thấp, ước đạt khoảng 2,9%–3,0% theo các tổ chức quốc tế. Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn cao hơn mục tiêu tại nhiều nền kinh tế lớn, khiến mặt bằng lãi suất tiếp tục duy trì ở mức cao, làm gia tăng chi phí vốn và thu hẹp nhu cầu tiêu dùng. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị kéo dài tại Trung Đông và xung đột tại khu vực Biển Đỏ tiếp tục gây gián đoạn chuỗi cung ứng và đẩy chi phí vận tải quốc tế tăng trở lại trong một số thời điểm của năm.

Ngoài ra, xu hướng phát triển bảo hộ thương mại và các rào cản kỹ thuật tiếp tục gia tăng, đặc biệt là các tiêu chuẩn về môi trường, phát thải carbon và trách nhiệm xã hội trong khuôn khổ các FTA thế hệ mới và cam kết Net Zero. Các yêu cầu này buộc doanh nghiệp trong ngành may mặc phải tăng chi phí đầu tư vào công nghệ sạch, chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực quản trị chuỗi cung ứng.

Trong nước, nền kinh tế ghi nhận mức tăng trưởng tích cực hơn, với GDP ước đạt khoảng 6,0%–6,5%, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro khi sức cầu phục hồi chưa đồng đều, chi phí tài chính còn cao và áp lực tỷ giá gia tăng trong bối cảnh USD duy trì sức mạnh. Ngành may mặc Việt Nam tiếp tục phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, trong đó hơn 50% đến từ Trung Quốc, khiến nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng vẫn hiện hữu trước các biến động địa chính trị và thương mại toàn cầu.

Nhìn chung, năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều biến động với các rủi ro đan xen từ kinh tế vĩ mô, địa chính trị và xu hướng chuyển đổi xanh toàn cầu, đặt ra yêu cầu cao hơn đối với doanh nghiệp trong việc nâng cao năng lực thích ứng, kiểm soát chi phí và tái cấu trúc hoạt động nhằm duy trì tăng trưởng bền vững.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Cũng như các doanh nghiệp khác, BDG chịu ảnh hưởng từ các chính sách pháp lý và điều chỉnh trong hệ thống pháp luật do Nhà nước ban hành. Với tư cách là công ty đại chúng có quy mô lớn, đang đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, BDG chịu ảnh hưởng bởi các quy định pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý liên quan khác.

Những điều chỉnh, bổ sung trong hệ thống pháp luật Việt Nam hoặc tại các quốc gia xuất khẩu hàng hóa có thể làm phát sinh chi phí tuân thủ mới hoặc ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất – kinh doanh của Công ty. Việc ban hành hoặc siết chặt các quy định về xuất xứ hàng hóa, kiểm soát chất lượng, tiêu chuẩn môi trường, lao động,... từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) hoặc thị trường nhập khẩu có thể khiến Công ty chịu áp lực trong việc thay đổi quy trình sản xuất, tăng chi phí hoặc mất khả năng tiếp cận thị trường.

Nhằm hạn chế rủi ro pháp lý, BDG thường xuyên rà soát, ban hành và cập nhật các quy trình nội bộ, quy chế quản lý, đồng thời theo dõi sát diễn biến pháp luật trong nước và quốc tế. Công ty cũng chú trọng phổ biến, hướng dẫn thực thi pháp luật cho đội ngũ nhân sự, bảo đảm hoạt động sản xuất – kinh doanh luôn tuân thủ đúng quy định và thích ứng kịp thời với các thay đổi pháp lý.



RỦI RO LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ

Là doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu nguyên vật liệu và sản phẩm, BDG chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động lãi suất và tỷ giá. Đây là các yếu tố tác động đáng kể đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu sử dụng vốn vay ngắn hạn lớn nhằm duy trì sản xuất liên tục và đảm bảo dòng tiền. Biến động lãi suất có thể làm gia tăng chi phí vốn, trong khi biến động tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị các khoản thanh toán nhập khẩu và doanh thu xuất khẩu.

Năm 2025, chính sách tiền tệ toàn cầu vẫn duy trì trạng thái thắt chặt tương đối, mặc dù một số ngân hàng trung ương lớn như FED đã bắt đầu có xu hướng nới lỏng thận trọng. Lãi suất tại Mỹ duy trì ở mức cao trong phần lớn thời gian của năm nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần giữ đồng USD ở mức mạnh. Điều này tạo áp lực lên tỷ giá của nhiều nền kinh tế mới nổi, trong đó có Việt Nam, làm gia tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu và rủi ro chênh lệch tỷ giá.

Trong nước, mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2024 nhưng vẫn ở mức tương đối cao so với giai đoạn trước dịch. Đồng thời, tỷ giá USD/VND biến động theo xu hướng tăng, gây áp lực lên các doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu lớn và nghĩa vụ thanh toán bằng ngoại tệ. Những yếu tố này tiếp tục làm gia tăng chi phí tài chính và ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp trong ngắn hạn.

Trước những rủi ro trên, Công ty đã chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường tiền tệ, linh hoạt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và kế hoạch sản xuất – kinh doanh. Đồng thời, BDG tăng cường quản trị rủi ro tỷ giá, tối ưu hóa dòng tiền, lựa chọn thời điểm giao dịch phù hợp và đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược nhằm giảm thiểu tác động bất lợi từ biến động lãi suất và tỷ giá, qua đó duy trì hiệu quả hoạt động và ổn định lợi nhuận.

RỦI RO CẠNH TRANH

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực gia công may mặc (CM - Cut & Make), Công ty phải đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng cả trong và ngoài nước. Hoạt động cắt - may - hoàn thiện có rào cản gia nhập thấp, tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp mới tham gia. Các quốc gia như Bangladesh, Myanmar, Campuchia,... với mức giá gia công thấp gây sức ép trực tiếp đến biên lợi nhuận của các công ty may mặc tại Việt Nam. Trong khi đó, chi phí nhân công và chi phí tuân thủ tại Việt Nam có xu hướng tăng, làm giảm khả năng cạnh tranh về giá.

Ngoài ra, các yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng quốc tế về môi trường, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn lao động gây thêm áp lực cho Công ty. Các doanh nghiệp tích hợp toàn chuỗi từ nguyên liệu đến thành phẩm (ODM, FOB) cũng chiếm ưu thế rõ rệt so với mô hình gia công CM.

Nhận thức được mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty định hướng nâng cao năng lực sản xuất, tối ưu hóa chi phí, giữ vững chất lượng và thời gian giao hàng nhằm củng cố uy tín với khách hàng hiện tại, đồng thời xây dựng chiến lược phát triển bền vững để thích ứng với yêu cầu mới của thị trường.



06 CÁC RỦI RO

RỦI RO THIẾU HỤT NHÂN SỰ

Nguồn nhân lực tiếp tục là yếu tố then chốt trong ngành may mặc, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn như BDG. Ngành may mặc đòi hỏi lực lượng lao động dồi dào, trong khi xu hướng dịch chuyển lao động sang các ngành có thu nhập và điều kiện làm việc tốt hơn đang ngày càng rõ nét, khiến việc tuyển dụng và giữ chân lao động có tay nghề trở nên khó khăn hơn. Tỷ lệ biến động lao động trong ngành vẫn ở mức cao, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ sản xuất, chất lượng sản phẩm và làm gia tăng chi phí đào tạo lại.

Năm 2025, mặc dù thị trường lao động đã dần ổn định hơn so với giai đoạn sau dịch, nhưng tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ tại một số khu vực sản xuất vẫn diễn ra, đặc biệt vào các thời điểm cao điểm đơn

hàng. Đồng thời, xu hướng tăng lương tối thiểu và các yêu cầu ngày càng cao về phúc lợi, môi trường làm việc tiếp tục tạo áp lực chi phí cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc chuyển đổi sang các mô hình sản xuất hiện đại như tự động hóa và lean manufacturing đòi hỏi lực lượng lao động phải được đào tạo chuyên sâu hơn, trong khi chi phí và thời gian đào tạo lớn, cùng với rủi ro lao động sau đào tạo dịch chuyển sang doanh nghiệp khác, vẫn là thách thức đáng kể.

Trước tình hình đó, Công ty tập trung tối ưu quy trình, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đồng thời nâng cao chính sách phúc lợi, đào tạo và giữ chân người lao động nhằm ổn định lực lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Ngành dệt may phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu đầu vào như vải, sợi, phụ liệu, trong đó phần lớn phải nhập khẩu, đặc biệt từ thị trường Trung Quốc. Biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường thế giới do căng thẳng địa chính trị, chi phí logistics, tỷ giá hoặc chính sách kiểm soát xuất khẩu từ các nước cung ứng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm và biên lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, việc chậm trễ trong giao hàng hoặc đứt gãy chuỗi cung ứng cũng có thể khiến chi phí đầu vào tăng đột biến, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và uy tín với khách hàng. Việc sử dụng nguyên vật liệu không đạt chuẩn có thể dẫn đến lỗi sản phẩm, giảm chất lượng đầu ra, không đáp ứng yêu cầu của khách hàng và ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu.

Để giảm thiểu rủi ro, Công ty chủ động theo dõi diễn biến thị trường, đa dạng hóa nguồn cung, kiểm soát chặt chất lượng đầu vào và xây dựng các phương án dự trữ hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được duy trì ổn định.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro về kinh tế, pháp lý và thị trường, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương còn đối mặt với các yếu tố bất khả kháng như dịch bệnh, hỏa hoạn và thiên tai. Mặc dù các sự kiện này xảy ra không thường xuyên, nhưng có thể gây tổn thất nghiêm trọng về con người, tài sản và gián đoạn hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Để chủ động ứng phó, Công ty đã triển khai các biện pháp phòng ngừa như mua bảo hiểm cho tài sản và người lao động, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và đảm bảo các điều kiện an toàn lao động. Công ty cũng tổ chức định kỳ các buổi tập huấn phòng cháy chữa cháy nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó với tình huống khẩn cấp cho toàn thể nhân sự.





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	26
Tổ chức và nhân sự	32
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	36
Tình hình tài chính	38
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	42
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	44

01 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

» KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

SẢN LƯỢNG

Đơn vị tính: Chiếc

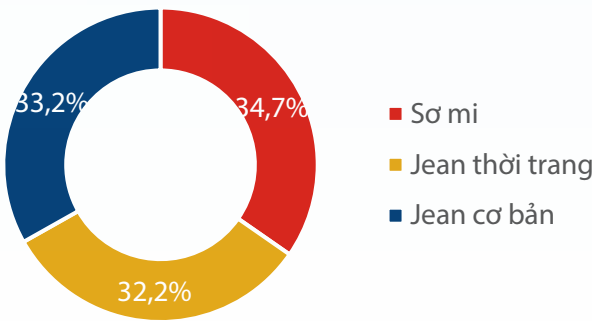
Sản lượng	TH 2024	TH 2025	KH 2025	(%) TH 2025/2024	(%) TH/KH 2025
Sơ mi	1.523.440	1.546.736	1.620.835	102%	95%
Jean thời trang	1.414.547	1.355.572	1.100.926	96%	123%
Jean cơ bản	1.457.338	1.273.982	1.554.196	87%	82%
Tổng sản lượng	4.395.325	4.176.290	4.275.957	95%	98%

Năm 2025, tổng sản lượng sản xuất của Công ty đạt 4.176.290 sản phẩm, tương đương 95% so với năm 2024 và 98% kế hoạch đề ra. Mặc dù có sự điều chỉnh nhẹ so với năm trước, kết quả này cho thấy Công ty vẫn duy trì được nền sản xuất ổn định trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

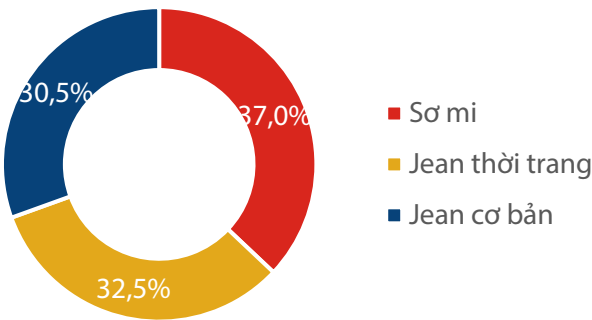
- » Sản lượng sơ mi đạt 1.546.736 chiếc, tăng 2% so với năm 2024, tiếp tục khẳng định vai trò là nhóm sản phẩm chủ lực và duy trì đà tăng trưởng tích cực, dù chưa đạt hoàn toàn kế hoạch đề ra.
- » Sản lượng jean thời trang đạt 1.355.572 chiếc, đạt 123% kế hoạch, cho thấy khả năng thích ứng linh hoạt với nhu cầu thị trường và hiệu quả trong việc điều chỉnh chiến lược sản xuất. Đây là điểm sáng nổi bật trong cơ cấu sản phẩm năm 2025.
- » Sản lượng jean cơ bản đạt 1.273.982 chiếc, dù giảm so với năm trước và đạt 82% kế hoạch, nhưng vẫn đóng góp tỷ trọng đáng kể trong tổng sản lượng, thể hiện vai trò duy trì sự cân bằng trong danh mục sản phẩm.

Xét về cơ cấu, sơ mi tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất (37,0%), tiếp theo là jean thời trang (32,5%) và jean cơ bản (30,5%). Cơ cấu này cho thấy xu hướng tập trung vào các dòng sản phẩm có hiệu quả và phù hợp với nhu cầu thị trường, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng của Công ty.

2024



2025



CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		(%) 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán thành phẩm	1.759.186	96,59%	1.457.708	82,55%	82,86%
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	59.836	3,29%	306.396	17,35%	512,06%
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	2.351	0,13%	1.682	0,10%	71,55%
Doanh thu khác	12	0,00%	0,28	0,00%	2,23%
Tổng doanh thu	1.821.386	100,00%	1.765.787	100,00%	96,95%

Trong năm 2025, tổng doanh thu của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đạt 1.765.787 triệu đồng, giảm 3,05% so với năm 2024. Cơ cấu doanh thu có sự thay đổi đáng kể giữa các nguồn thu.

Doanh thu bán thành phẩm tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, đạt 1.457.708 triệu đồng, chiếm 82,55% tổng doanh thu. Ngược lại, doanh thu cung cấp dịch vụ gia công tăng trưởng đột biến, đạt 306.396 triệu đồng, chiếm 17,35% tổng doanh thu (so với chỉ 3,29% năm 2024), tương ứng mức tăng 512,06%. Điều này cho thấy Công ty đã đẩy mạnh hoạt động gia công, góp phần bù đắp sự sụt giảm từ mảng bán thành phẩm.

Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu đạt 1.682 triệu đồng, chiếm tỷ trọng rất nhỏ (0,10%) và giảm so với năm trước (-28,45%), không ảnh hưởng đáng kể đến cơ cấu chung. Doanh thu khác gần như không đáng kể.

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu năm 2025 có xu hướng giảm phụ thuộc vào bán thành phẩm và tăng mạnh tỷ trọng gia công, phản ánh sự điều chỉnh chiến lược kinh doanh của Công ty trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

4,176 triệu chiếc

Sản lượng sản xuất

1.762 tỷ đồng

Doanh thu thuần

167,42 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

135,32 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

01

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



>>

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Sản lượng	ĐVT	TH 2024	TH 2025	KH 2025	(%) TH 2025/2024	(%) TH/KH 2025
Sản lượng	Chiếc	4.395.325	4.176.290	4.275.957	95%	98%
Tổng doanh thu (*)	Triệu đồng	1.878.885	1.809.530	1.611.417	96%	112%
Tổng chi phí (**)	Triệu đồng	1.668.575	1.642.118	1.501.223	98%	109%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	210.310	167.412	110.194	80%	152%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	175.634	135.316	90.205	77%	150%

(*) Tổng doanh thu = Doanh thu thuần + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác

(**) Tổng chi phí SXKD = Giá vốn bán hàng + Chi phí tài chính + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp + Chi phí khác

Năm 2025, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đạt tổng doanh thu 1.809.530 triệu đồng, giảm 4% so với năm 2024 nhưng vẫn vượt 12% kế hoạch đề ra. Tổng chi phí đạt 1.642.118 triệu đồng, giảm nhẹ 2% so với năm trước nhưng vượt 9% kế hoạch, cho thấy chi phí vẫn duy trì ở mức cao. Kết quả, lợi nhuận trước thuế đạt 167.412 triệu đồng, giảm xuống còn 80% so với năm 2024, và lợi nhuận sau thuế đạt 135.316 triệu đồng, giảm 23% so với năm trước, mặc dù vẫn vượt kế hoạch tương ứng 52% và 50%.

Doanh thu so với năm trước, chủ yếu do sản lượng tiêu thụ giảm và giá bán bị điều chỉnh giảm dưới tác động của chính sách thuế từ thị trường Mỹ; trong khi đó, tỷ lệ giảm của giá vốn thấp hơn tỷ lệ giảm của doanh thu chủ yếu do tiền lương và các khoản bảo hiểm trích theo lương tăng theo quy định.

Trong thời gian tới, triển vọng của Công ty được đánh giá khả quan khi hoạt động sản xuất kinh doanh có xu hướng ổn định và từng bước phục hồi theo diễn biến chung của thị trường. Việc tiếp tục đẩy mạnh kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu cơ cấu sản xuất sẽ là nền tảng quan trọng giúp cải thiện biên lợi nhuận. Đồng thời, với kinh nghiệm hoạt động và nền tảng tài chính tương đối ổn định, Công ty được kỳ vọng sẽ duy trì năng lực thích ứng tốt, hướng tới tăng trưởng bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

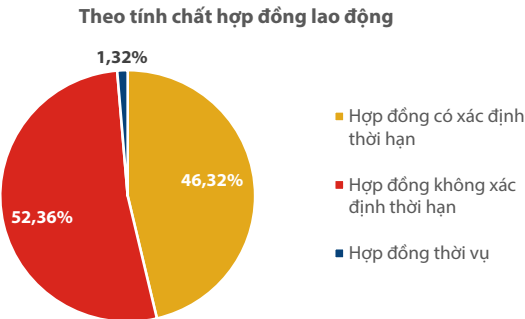
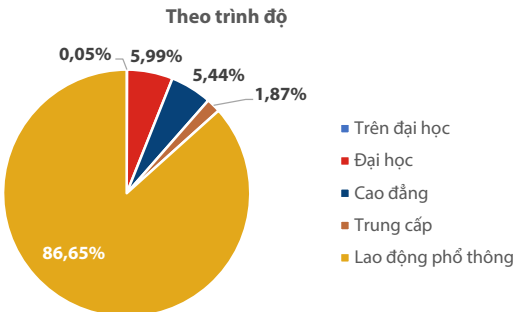
02 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

» NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

Không có.

» SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	1.820	100,00%
1	Trên đại học	1	0,05%
2	Đại học	109	5,99%
3	Cao đẳng	99	5,44%
4	Trung cấp	34	1,87%
5	Lao động phổ thông	1.577	86,65%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.820	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	843	46,32%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	953	52,36%
3	Hợp đồng theo thời vụ	24	1,32%



02 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

» LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG PHAN THÀNH ĐỨC

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971
Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

- 09/1996 – 02/2004: Phó phòng kế toán Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu – trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương.
- 03/2004 – 12/2006: Kế toán trưởng Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu – trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương.
- 01/2007 – 11/2015: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc tài chính Công ty TNHH MTV May Mặc Bình Dương.
- 08/2022 – 2024: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang.
- 12/2015 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại

- Đại diện: 0 CP - 0%
- Cá nhân: 15.140 CP - 0,06%
- Người liên quan: 0 CP - 0%

BÀ NGUYỄN THỊ TRÚC THANH

Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

(Miễn nhiệm TV HĐQT từ 26/06/2025)
Năm sinh: 1970
Trình độ: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

- 05/2000 – 03/2005: Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu – trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương.
- 04/2005 – 12/2006: Phó Giám đốc Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu 3/2 trực thuộc Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương.
- 01/2007 – 11/2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương.
- 12/2015 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.
- 26/06/2025: Miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại

- Đại diện: 0 CP - 0%
- Cá nhân: 19.547 CP - 0,08%
- Người liên quan: 0 CP - 0%

ÔNG NGUYỄN XUÂN QUÂN

Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc thường trực

Năm sinh: 1975
Trình độ: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Phát triển Thời trang

Quá trình công tác

- 04/2003 – 12/2006: Phó phòng kế toán Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu trực thuộc Công ty Sản xuất xuất nhập khẩu Bình Dương.
- 01/2007 – 11/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên May Mặc Bình Dương.
- 12/2015 – 09/2022: Giám đốc tài chính Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương.
- 07/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương.
- 01/01/2024 – nay: Phó tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Phát triển Thời trang.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại

- Đại diện: 0 CP - 0%
- Cá nhân: 18.523 CP - 0,07%
- Người liên quan: 0 CP - 0%

BÀ NGUYỄN MINH THÙY

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1992
Trình độ: Cử nhân Kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

- 10/2014 – 12/2015: Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương.
- 12/2015 – 06/2021: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.
- 06/2021 – 12/2023: Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần May mặc Bình Dương .
- 01/2024 – nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần May mặc Bình Dương.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại

- Đại diện: 0 CP - 0%
- Cá nhân: 1.406 CP - 0,01%
- Người liên quan: 0 CP - 0%

02 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

VỀ TUYỂN DỤNG

Để đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng tăng, BDG đa dạng hóa nguồn tuyển dụng, từ hệ thống trường nghề, trung tâm giới thiệu việc làm đến các kênh truyền thông xã hội. Công ty xây dựng quy trình đánh giá ứng viên minh bạch, khách quan, thông qua các bài kiểm tra tay nghề và năng lực chuyên môn. Đối với lao động phổ thông chưa có kinh nghiệm, Công ty tổ chức các khóa đào tạo nội bộ theo lộ trình rõ ràng, giúp người lao động nhanh chóng nắm bắt công việc, rút ngắn thời gian làm quen và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra.



VỀ ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

BDG xác định đào tạo là yếu tố trọng tâm giúp nâng cao tay nghề, đảm bảo chất lượng và tính đồng đều trong từng sản phẩm. Các chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với từng bộ phận và được triển khai định kỳ trong suốt quá trình làm việc. Ngoài ra, Công ty khuyến khích người lao động tham gia các khóa học bên ngoài nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển tư duy nghề nghiệp và mở rộng cơ hội thăng tiến. Chính sách này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả công việc mà còn tạo động lực gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.



MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

BDG luôn duy trì môi trường làm việc thân thiện, an toàn và công bằng. Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động, an toàn vệ sinh lao động và các tiêu chuẩn quốc tế như WRAP, SA8000, ISO 14001:2015; ISO 9001:2015; OEKO-TEX®. BDG cũng tham gia chương trình Better Work – một sáng kiến hợp tác giữa Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), nhằm đánh giá và cải thiện điều kiện làm việc trong ngành dệt may. Môi trường làm việc của Công ty được xây dựng dựa trên tinh thần tôn trọng, hợp tác và hướng tới phát triển bền vững.



“Tại BDG, con người luôn được xem là trung tâm của mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh. Nhận thức rõ vai trò then chốt của nguồn nhân lực trong việc duy trì năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh, Công ty luôn chú trọng xây dựng và triển khai chính sách nhân sự toàn diện.”

VỀ LƯƠNG THƯỞNG

Chính sách tiền lương của BDG được xây dựng dựa trên khung lương tối thiểu theo quy định của pháp luật, đồng thời có điều chỉnh theo năng suất, khu vực địa lý và biến động thị trường lao động. Ngoài thu nhập cơ bản, Công ty áp dụng các hình thức khen thưởng định kỳ, thưởng hiệu suất, thưởng đột xuất nhằm ghi nhận đóng góp nổi bật của cá nhân và tập thể. Qua đó, BDG không chỉ tạo động lực làm việc mà còn xây dựng hệ thống giữ chân nhân sự hiệu quả, ổn định nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất dài hạn.



VỀ PHÚC LỢI VÀ ĐÀNG NGỘ

BDG triển khai chính sách phúc lợi đa dạng, hướng đến việc đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể nhân sự tham gia bảo hiểm xã hội và các chương trình chăm sóc sức khỏe khác. Bên cạnh đó, các hoạt động tập thể như ngày hội thể thao, dã ngoại, tiệc tất niên và các chương trình giao lưu nội bộ được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sự gắn kết, nâng cao tinh thần làm việc tập thể. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng con em cán bộ – công nhân viên đạt thành tích học tập xuất sắc và hỗ trợ chi phí về quê đón Tết, thể hiện sự quan tâm đến đời sống gia đình người lao động.



03 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

- » **Đầu tư máy móc thiết bị:** Trong năm 2025, Công ty tập trung đầu tư thay thế các máy móc, thiết bị đã sử dụng lâu năm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và ổn định năng lực vận hành của nhà máy. Tổng số thiết bị đầu tư là 111 máy, với tổng giá trị 9,8 tỷ đồng.
- » **Đầu tư thiết bị truyền dẫn và nhà xưởng:** Công ty thực hiện sửa chữa lò hơi và xây dựng nhà đặt lò hơi mới cho Xưởng Hoàn tất, tổng giá trị 544 triệu đồng, nhằm đảm bảo điều kiện vận hành an toàn. Đồng thời, Công ty triển khai sơn tường, chống thấm toàn bộ nhà xưởng với giá trị 2,1 tỷ đồng và sửa chữa nhà ăn tập thể với chi phí 390 triệu đồng, góp phần cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.
- » **Hiệu quả sau đầu tư:** Các hạng mục đầu tư đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng ngay sau khi lắp đặt, góp phần nâng cao năng suất, cải thiện điều kiện vận hành và đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất của Công ty.

DỰ ÁN DI DỜI CÔNG TY

Thực hiện Đề án “Điều tra, đánh giá thực trạng hoạt động và đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở địa bàn phía Nam chuyển đổi công năng, di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Bình Dương” được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua chủ trương di dời Công ty. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã xây dựng phương án di dời và phê duyệt tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 06/11/2024.

Theo kế hoạch, Dự án di dời Công ty được triển khai trong giai đoạn 2025 – 2027, bao gồm các hạng mục chính như thuê đất, thiết kế và xây dựng nhà xưởng cùng các công trình phụ trợ theo tiêu chuẩn hiện đại. Tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu (chưa bao gồm dây chuyền máy móc, thiết bị) khoảng 394 tỷ đồng.

Đến thời điểm báo cáo, Công ty đã hoàn tất thủ tục thuê đất và đang triển khai bước thiết kế ban đầu của dự án, làm cơ sở cho việc hoàn thiện hồ sơ đầu tư và triển khai các hạng mục xây dựng trong thời gian tới.

ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÁC ĐƠN VỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỜI TRANG

Công ty hiện đang nắm giữ 76,08% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang (FDC) với tổng giá trị đầu tư 173,3 tỷ đồng. Khoản đầu tư này đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng chuỗi giá trị sản xuất của Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực wash và hoàn tất sản phẩm, qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường tính chủ động trong chuỗi cung ứng ngành may mặc.

Trong năm 2025, hoạt động của FDC chịu ảnh hưởng nhất định từ sự gia tăng của các chi phí vận hành. Tuy nhiên, doanh nghiệp đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản trị và tối ưu hoạt động sản xuất, giúp duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh. Kết quả thực hiện năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	2025	2024	(%) 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	246.374.195.334	255.748.932.085	96,33%
Doanh thu thuần	257.120.021.793	250.613.101.091	102,60%
Lợi nhuận sau thuế	43.050.946.443	47.486.854.591	90,66%

Mặc dù lợi nhuận có giảm so với năm trước do chi phí đầu vào tăng, FDC vẫn duy trì mức doanh thu tăng trưởng và hiệu quả hoạt động ổn định, tiếp tục là một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị sản xuất của Công ty.



04 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

» TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	(%) 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	1.132.623	1.162.581	102,65%
Doanh thu thuần	1.816.530	1.762.399	97,02%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	203.656	170.775	83,85%
Lợi nhuận khác	6.654	(3.363)	-50,54%
Lợi nhuận trước thuế	210.311	167.412	79,60%
Lợi nhuận sau thuế	175.634	135.316	77,04%

Năm 2025, BDG ghi nhận sự biến động trái chiều trong các chỉ tiêu tài chính. Tổng giá trị tài sản đạt 1.162.571 triệu đồng, tăng nhẹ 2,65% so với năm 2024. Mức tăng này chủ yếu đến từ việc gia tăng tài sản dài hạn, đặc biệt là chi phí trả trước dài hạn và đầu tư tài chính dài hạn, trong khi tài sản ngắn hạn có xu hướng giảm.

Trong bối cảnh thị trường may mặc năm 2025 có nhiều biến động, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.762.399 triệu đồng, giảm 2,98% so với năm trước. Điều này có thể do tác động từ nhu cầu thị trường suy yếu, sự cạnh tranh gia tăng và sự ảnh hưởng của thuế quan, làm ảnh hưởng đến khả năng mở rộng đơn hàng của doanh nghiệp trong năm vừa qua.

Sự suy giảm doanh thu đã tác động trực tiếp đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, chỉ đạt 170.775 triệu đồng, giảm 16,15% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do giảm các khoản thu nhập khác từ khoản hỗ trợ từ khách hàng tại thị trường Mỹ do ảnh hưởng chính sách thuế của Mỹ và giảm các khoản thu bồi thường các đơn vị gia công ngoài; đồng thời chi phí khác tăng đến từ các khoản truy thu theo quy định.

Kết thúc năm 2025, lợi nhuận sau thuế của BDG đạt 135.316 triệu đồng, giảm 22,96% so với năm 2024. Mặc dù kết quả kinh doanh suy giảm, nhưng mức lợi nhuận vẫn duy trì ở mức tương đối cao, cho thấy doanh nghiệp vẫn giữ được nền tảng tài chính ổn định. Điều này phản ánh giai đoạn điều chỉnh sau tăng trưởng mạnh, đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị chi phí và thích ứng linh hoạt với biến động thị trường trong thời gian tới.

» CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (THEO BCTC HỢP NHẤT NĂM 2025)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2024	2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,08	1,90
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,53	1,37
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,42	38,49
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	73,68	62,58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,11	6,28
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,69	1,54
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,67	7,68
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	29,3	19,79
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	16,38	11,79
Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/ Doanh thu thuần	%	11,21	9,69

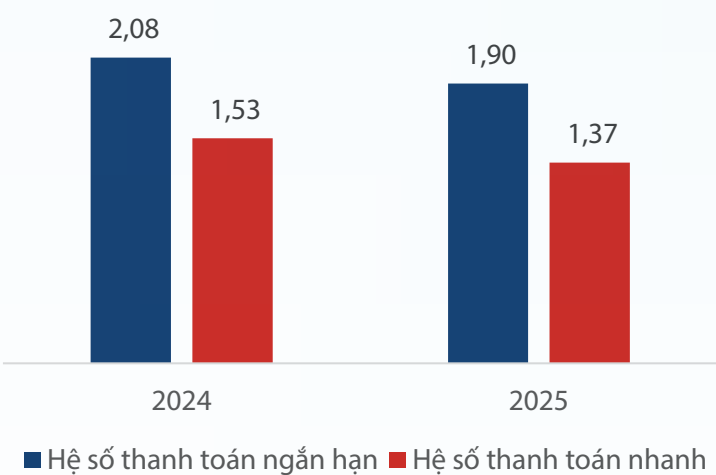


04 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

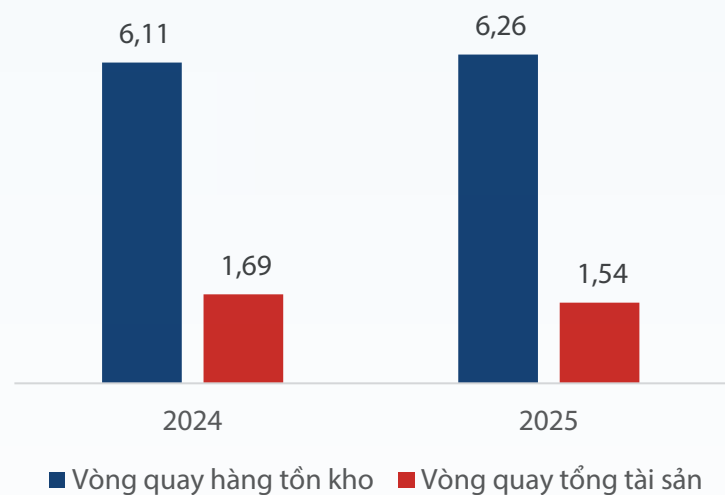
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2025, khả năng thanh toán của Công ty có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2024. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,08 lần xuống 1,90 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,53 lần xuống 1,37 lần. Nguyên nhân chủ yếu do tài sản ngắn hạn giảm (đặc biệt là tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn) trong khi nợ ngắn hạn tăng nhẹ, dẫn đến khả năng đáp ứng nghĩa vụ ngắn hạn suy giảm. Tuy nhiên, các hệ số vẫn duy trì ở mức an toàn (>1), cho thấy Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán trong ngắn hạn.



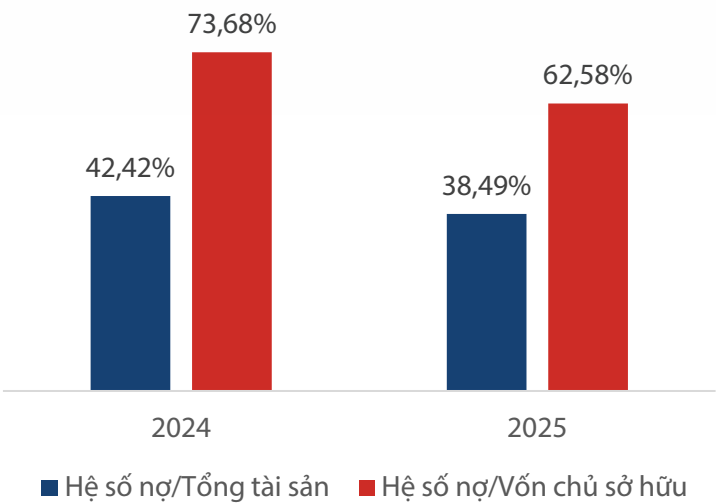
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Hiệu quả hoạt động của Công ty có sự cải thiện ở một số chỉ tiêu. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 6,11 vòng lên 6,28 vòng, cho thấy khả năng luân chuyển hàng tồn kho tốt hơn và thời gian lưu kho được rút ngắn. Ngược lại, vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,69 vòng xuống 1,54 vòng, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản để tạo doanh thu có phần suy giảm, phù hợp với thực tế doanh thu năm 2025 giảm so với năm trước.



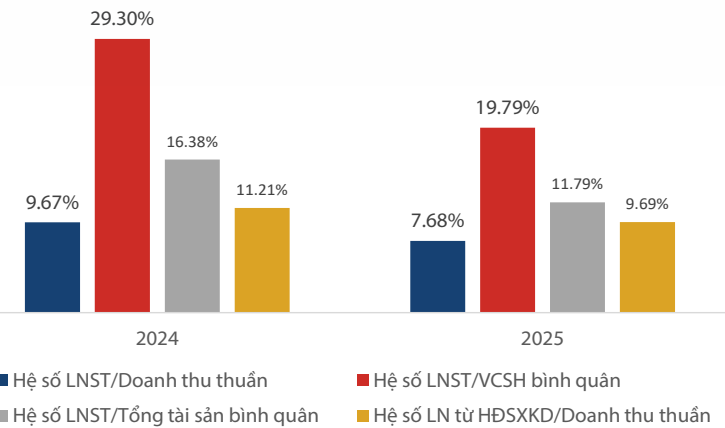
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn tiếp tục được cải thiện theo hướng an toàn hơn. Hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 42,42% xuống 38,49%, và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 73,68% xuống 62,58%. Điều này phản ánh Công ty đã giảm quy mô nợ phải trả, đặc biệt là nợ dài hạn, đồng thời tăng cường nguồn vốn chủ sở hữu. Nhờ đó, mức độ phụ thuộc vào vốn vay giảm, giúp nâng cao khả năng tự chủ tài chính và giảm áp lực chi phí lãi vay.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ tiêu sinh lời năm 2025 có xu hướng giảm so với năm 2024. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) giảm từ 9,67% xuống 7,68%, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) giảm từ 29,3% xuống 19,79%, và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) giảm từ 16,38% xuống 11,79%. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu giảm và biên lợi nhuận bị thu hẹp trong bối cảnh chi phí vẫn ở mức cao. Bên cạnh đó, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần cũng giảm từ 11,21% xuống 9,69%.



Nhìn chung, năm 2025 có thể được xem là giai đoạn điều chỉnh sau tăng trưởng, khi BDG chủ động tập trung vào việc kiểm soát chi phí, tối ưu vận hành và tái cơ cấu hoạt động kinh doanh nhằm thích ứng với bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Mặc dù các chỉ tiêu sinh lời suy giảm, Công ty vẫn duy trì được nền tảng tài chính ổn định, đây là điều kiện quan trọng để từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động. Trong thời gian tới, nếu doanh thu được cải thiện cùng với việc tiếp tục tối ưu chi phí và nâng cao năng suất, Công ty hoàn toàn có khả năng phục hồi các chỉ tiêu sinh lời và cải thiện biên lợi nhuận, hướng tới tăng trưởng bền vững hơn.

05 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH

24.799.920

SỐ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

24.799.920

MỆNH GIÁ CỔ PHIẾU

10.000 Mệnh giá cổ phiếu

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ

0

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến ngày 30/07/2025

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	1.086	24.451.956	98,60%
1	Cá nhân	1.084	2.942.958	11,87%
2	Tổ chức	2	21.508.998	86,73%
II	Cổ đông nước ngoài	7	347.964	1,40%
1	Cá nhân	5	4.044	0,02%
2	Tổ chức	2	343.920	1,39%
Tổng cộng		1.093	24.799.9220	100.00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50% (*)

(*): Theo Công văn số 2685/UBCK-PTTT ngày 11/05/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP May mặc Bình Dương.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính đến ngày 30/07/2025

STT	Tên cổ đông	SLCP	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	11.831.418	47,71%
2	Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	9.677.580	39,02%
Tổng cộng		21.508.998	86,73%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lần	Năm	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành
1	2015	120.000.000.000	120.000.000.000	Bán đấu giá lần đầu
2	2022	127.999.200.000	247.999.200.000	Phát hành tăng vốn cổ phần Phát hành cho người lao động

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.

06 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

» TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dệt may – lĩnh vực có đặc thù phát sinh nhiều tác động đến môi trường, BDG luôn xác định bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm pháp lý, mà còn là sứ mệnh gắn liền với chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Công ty chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đặc biệt trong bối cảnh nhà máy đặt tại khu vực gần khu dân cư. Hệ thống quản lý môi trường của BDG đạt chuẩn ISO 14001:2015, OEKO-TEX®, kết hợp với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, là minh chứng rõ ràng cho nỗ lực của Công ty trong việc tuân thủ các yêu cầu về phát triển xanh và kiểm soát phát thải.

Việc áp dụng mô hình lean manufacturing trong toàn bộ quy trình sản xuất đã giúp BDG giảm thiểu lãng phí nguyên vật liệu, năng lượng và thời gian, từ đó góp phần làm giảm phát sinh khí thải và chất thải rắn. Các quy trình này không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn giảm áp lực đến môi trường tự nhiên.

Song song đó, Công ty đã thiết lập và duy trì các tiêu chí xanh, điển hình như: bố trí mảng xanh tại khuôn viên văn phòng – nhà máy, xây dựng hệ thống phân loại rác tại nguồn, áp dụng đèn LED tiết kiệm năng lượng, sử dụng thiết bị có mức tiêu hao điện thấp, và tổ chức các chiến dịch nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về bảo vệ môi trường.

» TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

BDG xác định tiết kiệm năng lượng là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược quản trị vận hành và phát triển bền vững. Công ty xây dựng và áp dụng các quy chuẩn nội bộ về sử dụng điện đối với cả nhà máy sản xuất lẫn khu vực văn phòng hành chính, nhằm đảm bảo mức tiêu thụ điện năng được kiểm soát hợp lý, tránh lãng phí và tăng hiệu suất sử dụng.

Bên cạnh điện năng, việc sử dụng các nguồn năng lượng khác như xăng dầu phục vụ vận chuyển, vận hành máy móc và máy phát điện dự phòng cũng được giám sát chặt chẽ. Các bộ phận chuyên trách định kỳ rà soát tình hình tiêu thụ, so sánh với định mức và đánh giá hiệu suất, từ đó đề xuất các phương án điều chỉnh, bảo trì hoặc thay thế thiết bị phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Đặc biệt, BDG không ngừng nghiên cứu và tìm kiếm các giải pháp thay thế thân thiện với môi trường, bao gồm việc ưu tiên sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, cải tiến quy trình sản xuất theo hướng tinh gọn. Công ty cũng xây dựng các chương trình tuyên truyền, khuyến khích toàn thể cán bộ – công nhân viên nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, xem đây là một phần trong văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng.



» TIÊU THỤ NƯỚC

BDG xem việc quản lý và sử dụng nước hiệu quả là một trong những yếu tố quan trọng trong chiến lược bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Công ty đã thiết lập hạn mức sử dụng nước cụ thể cho từng khu vực sản xuất và hành chính, dựa trên định mức kỹ thuật và nhu cầu thực tế, nhằm tối ưu hóa lượng nước tiêu thụ mà vẫn đảm bảo hiệu suất vận hành và chất lượng sản phẩm.



Đối với nước đã qua sử dụng, Công ty triển khai các biện pháp thu gom, xử lý và tái sử dụng cho các mục đích phù hợp như tưới cây xanh trong khuôn viên, vệ sinh mặt bằng... Hệ thống xử lý nước thải của BDG được vận hành theo đúng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, bảo đảm nước đầu ra đạt tiêu chuẩn xả thải, không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật, BDG chú trọng đến yếu tố con người bằng cách tổ chức các hoạt động tuyên truyền nội bộ, xây dựng văn hóa tiết kiệm nước trong toàn thể cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên đánh giá hiệu quả sử dụng nước theo định kỳ, xác định khu vực tiêu hao bất thường để điều chỉnh kịp thời.



06 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

» QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU



Với đặc thù hoạt động chính là sản xuất hàng may mặc, BDG tiêu thụ một khối lượng nguyên phụ liệu rất lớn trong suốt quá trình sản xuất. Phần lớn nguyên liệu đầu vào được cung cấp từ các đối tác nước ngoài, chủ yếu đến từ các thị trường như Trung Quốc, Đài Loan,... Công ty kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên phụ liệu đầu vào, ưu tiên sử dụng các loại vật liệu thân thiện với môi trường, có khả năng tái chế hoặc phân hủy sinh học. Quy trình nhập kho và bảo quản nguyên vật liệu được tiêu chuẩn hóa nhằm đảm bảo chất lượng và hạn chế thất thoát. Công ty tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu trong quy trình sản xuất, đồng thời khuyến khích người lao động sử dụng nguyên phụ liệu một cách tiết kiệm và hiệu quả. Ngoài ra, hoạt động mua – bán nguyên liệu, phế liệu được thực hiện theo đúng quy định trong đề án bảo vệ môi trường, vừa góp phần bảo vệ hệ sinh thái, vừa tạo nguồn thu bổ sung cho doanh nghiệp.

» TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường có yêu cầu khắt khe về “tiêu chuẩn xanh” như châu Âu và Hoa Kỳ, BDG luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định quốc tế như Thỏa thuận Xanh châu Âu, Đạo luật Giảm phát thải của Mỹ, cũng như các quy định nội địa về bảo vệ môi trường.

Năm 2025, Công ty không ghi nhận bất kỳ vụ vi phạm nào liên quan đến pháp luật về môi trường. Công ty đã tuân thủ thực hiện đầy đủ các hạng mục liên quan đến pháp luật về môi trường và được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy phép môi trường vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Đây là kết quả của việc duy trì hệ thống quản lý môi trường chặt chẽ, tuân thủ đúng quy định trong từng công đoạn sản xuất – kinh doanh, từ sử dụng nguyên liệu đến xử lý chất thải và kiểm soát khí thải.

Song song đó, BDG còn chủ động tham gia các chiến dịch bảo vệ môi trường tại địa phương, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ định kỳ nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động trong việc gìn giữ môi trường sống. Việc lồng ghép yếu tố môi trường vào chiến lược sản xuất – kinh doanh không chỉ là yêu cầu tuân thủ, mà còn là một phần trong cam kết phát triển bền vững dài hạn mà BDG hướng đến.



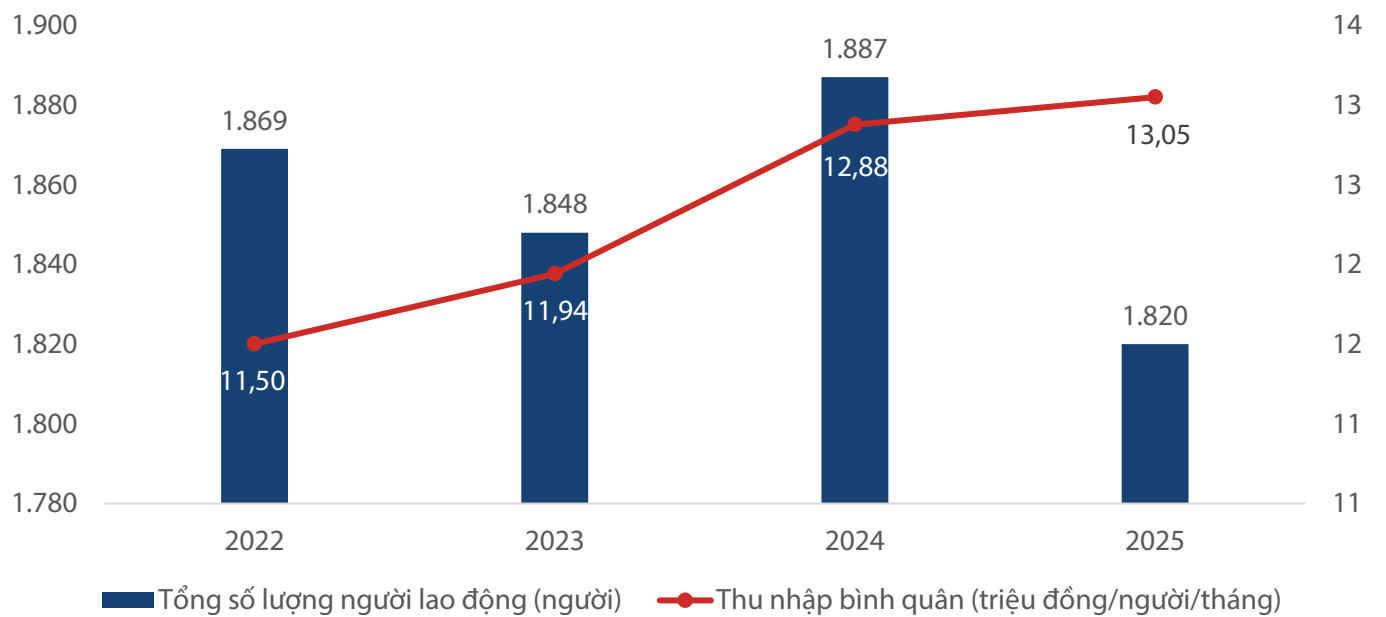
06

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025
Tổng số lượng người lao động (người)	1.869	1.848	1.887	1.820
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.502.000	11.942.000	12.878.000	13.050.000



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

BDG luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo bài bản và liên tục. Tất cả nhân viên mới đều được tham gia các khóa huấn luyện tiêu chuẩn, nhằm trang bị đầy đủ kỹ năng và tay nghề, đáp ứng yêu cầu khắt khe từ thị trường xuất khẩu.

Bên cạnh đào tạo cơ bản, Công ty còn tổ chức các chương trình nâng cao phối hợp cùng đơn vị chuyên môn, tập trung vào các nội dung như kiểm soát chất lượng, kỹ thuật sản xuất, và quản lý chuyển may. Những hoạt động này không chỉ nâng cao năng suất lao động mà còn góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế.

Ngoài ra, BDG cũng khuyến khích người lao động chủ động học hỏi và tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm, ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ và làm việc nhóm. Việc nâng cao trình độ toàn diện cho đội ngũ nhân sự là tiền đề quan trọng để Công ty thích ứng nhanh với xu thế tự động hóa, đổi mới công nghệ và đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao từ đối tác toàn cầu.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại BDG, người lao động luôn được xem là tài sản quý giá và là yếu tố cốt lõi tạo nên sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Công ty xác định rằng, để vận hành hiệu quả và duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, thì việc xây dựng một đội ngũ nhân sự chất lượng cao, được chăm lo đầy đủ về sức khỏe, an toàn và đời sống tinh thần là nhiệm vụ trọng tâm, cần được thực hiện một cách nhất quán và lâu dài.

BDG luôn tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện và chuyên nghiệp, trong đó người lao động được bảo vệ về cả thể chất lẫn tinh thần. Công ty triển khai đầy đủ các chương trình huấn luyện an toàn lao động, diễn tập phòng cháy chữa cháy định kỳ, trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ cá nhân theo đúng quy định. Hệ thống nhà xưởng và khu vực sản xuất cũng thường xuyên được kiểm tra, bảo trì để đảm bảo điều kiện làm việc luôn đạt chuẩn và hạn chế rủi ro.

Song song đó, Công ty áp dụng chính sách phúc lợi toàn diện cho người lao động: tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm; xây dựng chế độ làm việc, nghỉ phép, nghỉ lễ tết hợp lý; hỗ trợ chi phí ăn ca, phụ cấp chuyên cần, sinh hoạt phí. Đối với những nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, Công ty luôn có chính sách hỗ trợ kịp thời, thể hiện sự quan tâm và đồng hành cùng người lao động vượt qua thử thách trong cuộc sống.

Không chỉ dừng lại ở những chế độ căn bản, BDG còn chú trọng phát triển các hoạt động gắn kết nội bộ như tổ chức teambuilding, hội thao, các chương trình giao lưu, trao thưởng vào các dịp lễ, Tết. Những hoạt động này vừa tạo ra môi trường làm việc tích cực, vừa giúp xây dựng tinh thần đoàn kết, nâng cao sự gắn bó giữa nhân viên với Công ty.

06 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

» BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BDG luôn nhận thức rõ rằng sự phát triển bền vững của doanh nghiệp không thể tách rời sự phát triển của cộng đồng nơi doanh nghiệp hoạt động, Do đó, Công ty không ngừng đẩy mạnh các hoạt động hướng về cộng đồng như một phần trong cam kết trách nhiệm xã hội.

Hằng năm, BDG tích cực tham gia và tài trợ cho nhiều chương trình an sinh xã hội như xây nhà tình thương, ủng hộ mua bảo hiểm y tế tại địa phương, tài trợ Hội chữ thập đỏ, tài trợ kinh phí sửa chữa khuôn viên an ninh khu phố, ... Bên cạnh đó, Công ty cũng đồng hành cùng các địa phương trong các hoạt động thiện nguyện, giao lưu văn hóa, chăm lo Tết cho hộ nghèo, thể hiện tinh thần sẻ chia và gắn kết với cộng đồng.

Không chỉ dừng lại ở các đóng góp vật chất, BDG còn tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về môi trường sống, an toàn lao động và phát triển bền vững. Đây cũng là cách Công ty lan tỏa giá trị nhân văn và khẳng định vai trò của doanh nghiệp trong việc đồng hành cùng địa phương phát triển lâu dài và bền vững.



» BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Thị trường vốn xanh đang trở thành xu hướng tất yếu trong bối cảnh phát triển bền vững toàn cầu. Nắm bắt định hướng này, BDG từng bước tiếp cận các tiêu chuẩn như báo cáo tài chính xanh, trái phiếu xanh và công bố phát thải theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty chủ động nâng cao nhận thức môi trường cho người lao động thông qua các chương trình truyền thông nội bộ và đào tạo ngắn hạn. Đồng thời, BDG liên tục triển khai các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm trong sản xuất như tiết kiệm năng lượng, quản lý nước thải, sử dụng nguyên liệu thân thiện môi trường. Những hành động cụ thể này góp phần giúp Công ty tiệm cận các yêu cầu của thị trường tài chính xanh, đồng thời khẳng định cam kết phát triển bền vững trong dài hạn.



03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	54
Tình hình tài chính	56
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	58
Kế hoạch phát triển trong tương lai	59
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	61
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	62

01 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025, ngành dệt may Việt Nam ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực sau giai đoạn suy giảm kéo dài trong các năm 2023–2024. Sự cải thiện của kinh tế toàn cầu, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu chủ lực như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản và Hàn Quốc, đã góp phần giúp các doanh nghiệp trong ngành từng bước khôi phục hoạt động sản xuất và đơn hàng. Theo số liệu của Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS), kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam năm 2025 đạt khoảng 46 tỷ USD, tăng gần 5,6% so với năm 2024.

Bên cạnh các tín hiệu phục hồi, ngành dệt may vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức. Bối cảnh thương mại toàn cầu tiếp tục biến động, trong khi cạnh tranh khu vực ngày càng gay gắt khi Việt Nam phải cạnh tranh trực tiếp với các quốc gia như Bangladesh, Ấn Độ, Indonesia và Campuchia, vốn có lợi thế về chi phí lao động và năng lực sản xuất ngày càng được cải thiện. Đồng thời, ngành dệt may vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu, khiến chi phí sản xuất chịu tác động từ biến động của thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, chi phí lao động, logistics, nhiên liệu và điện năng duy trì ở mức cao, tạo áp lực đáng kể lên biên lợi nhuận của các doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đơn hàng từ

các khách hàng truyền thống và hoàn thành vượt kế hoạch đã đề ra. Kết thúc năm 2025, doanh thu đạt 110% kế hoạch và lợi nhuận đạt 143% kế hoạch.

Tuy nhiên, do thị trường Hoa Kỳ chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu, hoạt động của Công ty chịu tác động trực tiếp từ chính sách thuế đối ứng của Chính phủ Hoa Kỳ áp dụng từ tháng 4/2025. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, việc điều chỉnh tăng giá bán để bù đắp chi phí là không khả thi do có thể làm suy giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Từ tháng 4/2025, một số khách hàng chiến lược tại thị trường Hoa Kỳ như Rock, Miss Me và Pacsun đã đề nghị điều chỉnh giảm giá nhằm chia sẻ khó khăn. Đây đều là các đối tác lâu năm, có tính ổn định cao và đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu khách hàng của Công ty. Trên cơ sở duy trì quan hệ hợp tác lâu dài, Công ty đã thương lượng và thống nhất giảm giá bán bình quân khoảng 5% đối với các khách hàng này.

Song song với áp lực từ thị trường, chi phí nội tại của Công ty tiếp tục gia tăng. Thực hiện quy định của Nhà nước và nhằm đảm bảo thu nhập, ổn định lực lượng lao động, Công ty đã điều chỉnh tăng lương 6% cho người lao động theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP của Chính phủ, áp dụng từ ngày 01/7/2024. Theo đó, chi phí tiền lương và các khoản bảo hiểm trong năm 2025 tăng đáng kể.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC



Trước những thách thức nêu trên, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nhằm duy trì hiệu quả hoạt động, bao gồm tăng cường phối hợp với khách hàng, đẩy mạnh phát triển mẫu mới, tiếp nhận các đơn hàng nhỏ lẻ với thời gian giao hàng ngắn, qua đó gia tăng sản lượng và doanh thu. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì hai hình thức sản xuất là FOB và gia công, trong đó FOB chiếm tỷ trọng chủ yếu, khoảng 88% tổng sản lượng. Hoạt động sản xuất tập trung vào các khách hàng truyền thống như Olymp, Rock, Miss Me, Pacsun, Eunina, Yody và E3. Đồng thời, Công ty cũng mở rộng tệp khách hàng thông qua việc phát triển thêm khách hàng mới Mek và tiếp nhận thêm các đơn hàng gia công từ các đối tác trong nước.

Nhìn chung, mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường và chi phí sản xuất gia tăng, Công ty vẫn duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra và tiếp tục củng cố nền tảng cho sự phát triển trong các năm tiếp theo.



02 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		(%) 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	892.610	78,81%	836.090	71,92%	-6,33%
Tài sản dài hạn	240.013	21,19%	326.491	28,08%	36,03%
TỔNG TÀI SẢN	1.132.622	100%	1.162.581	100%	2,5%

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 1.162.581 triệu đồng, tăng 2,65% so với năm 2024, cho thấy quy mô tài sản được duy trì ổn định. Cơ cấu tài sản có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tăng tài sản dài hạn, phản ánh sự điều chỉnh trong chiến lược sử dụng vốn của Công ty.

Cụ thể, tài sản ngắn hạn đạt 836.090 triệu đồng, giảm 6,33% và tỷ trọng giảm từ 78,81% xuống 71,92%. Nguyên nhân chủ yếu là do tiền và các khoản tương đương tiền giảm (từ khoảng 48.862 triệu đồng xuống còn 40.096 triệu đồng) và đầu tư tài chính ngắn hạn giảm mạnh (từ khoảng 265.402 triệu đồng xuống còn 186.523 triệu đồng). Trong khi đó, các khoản phải thu và hàng tồn kho có biến động nhưng không đủ bù đắp mức giảm của các khoản mục tiền và đầu tư ngắn hạn, dẫn đến tổng tài sản ngắn hạn suy giảm.

Ngược lại, tài sản dài hạn đạt 326.491 triệu đồng, tăng mạnh 36,03% và tỷ trọng tăng từ 21,19% lên 28,08%. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ tài sản dài hạn khác (đặc biệt chi phí trả trước dài hạn tăng đáng kể) và tài sản cố định được đầu tư bổ sung, trong khi một số khoản đầu tư dài hạn không có biến động lớn. Nhìn chung, tổng tài sản tăng nhẹ là do sự gia tăng mạnh của tài sản dài hạn đã bù đắp cho sự sụt giảm của tài sản ngắn hạn, cho thấy Công ty đang có xu hướng mở rộng đầu tư dài hạn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		(%) 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	429.780	89,44%	439.250	98,16%	2,20%
Nợ dài hạn	50.722	10,56%	8.247	1,84%	-83,74%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	480.502	100%	447.497	100%	-6,87%

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 447.497 triệu đồng, giảm 6,87% so với năm 2024, cho thấy Công ty đã giảm bớt nghĩa vụ nợ, góp phần cải thiện mức độ an toàn tài chính. Cơ cấu nợ có sự thay đổi rõ rệt theo hướng tăng tỷ trọng nợ ngắn hạn và giảm mạnh nợ dài hạn.

Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 439.250 triệu đồng, tăng nhẹ 2,20% và chiếm tới 98,16% tổng nợ phải trả (so với 89,44% năm trước). Sự gia tăng này chủ yếu đến từ các khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng (từ khoảng 124.773 triệu đồng lên 139.143 triệu đồng) và vay ngắn hạn tăng (từ khoảng 184.271 triệu đồng lên 184.714 triệu đồng), cho thấy Công ty đang sử dụng nhiều hơn nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ hoạt động.

Ngược lại, nợ dài hạn giảm mạnh xuống còn 8.247 triệu đồng, tương ứng giảm 83,74% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã giảm đáng kể các khoản vay và nghĩa vụ tài chính dài hạn (vay dài hạn gần như không còn), làm giảm áp lực nợ dài hạn. Nhìn chung, tổng nợ phải trả giảm là nhờ cắt giảm mạnh nợ dài hạn, tuy nhiên cơ cấu nợ lại nghiêng nhiều về ngắn hạn, điều này có thể làm gia tăng áp lực thanh toán trong ngắn hạn.



03 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Nhận thức rõ vai trò then chốt của hệ thống tổ chức và bộ máy quản trị trong việc đảm bảo hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, BDG đã không ngừng thực hiện các cải tiến nhằm nâng cao năng lực điều hành và tối ưu hóa nguồn lực, đặc biệt trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động và cạnh tranh gay gắt.

Trong năm qua, Công ty đã tổ chức đánh giá tổng thể hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống, bao gồm từng phòng ban và vị trí chức năng. Trên cơ sở kết quả rà soát, BDG triển khai tái cơ cấu tổ chức, điều chỉnh phân công nhiệm vụ, hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu suất làm việc và phân bổ nguồn lực hợp lý hơn giữa các đơn vị.

Song song đó, Công ty tiến hành rà soát và cập nhật các quy chế nội bộ, quy trình tác nghiệp, bổ sung các thủ tục cần thiết nhằm chuẩn hóa hệ thống vận hành theo hướng chuyên nghiệp, linh hoạt và hiệu quả. Những cải tiến này giúp nâng cao tính minh bạch, kiểm soát rủi ro và giảm thiểu sai sót trong quá trình xử lý công việc.

Về mặt quản lý nhân sự, BDG chú trọng xây dựng chính sách phát triển đội ngũ lâu dài, thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao kỹ năng chuyên môn, khả năng làm việc nhóm, tư duy đổi mới và tinh thần trách nhiệm. Những nỗ lực này góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ đó củng cố nền tảng vận hành bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

04 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

» TÌNH HÌNH CHUNG

- Năm 2025, bên cạnh những cơ hội phục hồi thị trường thì ngành dệt may Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức như:
- » Đơn hàng chủ yếu ở phân khúc giá thấp và có tính ổn định không cao.
 - » Ngành dệt may Việt Nam đang cạnh tranh với các nước như Bangladesh, Myanmar.
 - » Biến động thương mại, lạm phát và chính sách tiền tệ toàn cầu có thể ảnh hưởng đến ngành dệt may Việt Nam. Tỷ lệ hàng tồn kho tại các thương hiệu lớn tăng có thể dẫn đến việc giảm đơn hàng trong nửa cuối năm 2025.
 - » Đặc biệt là chính sách thuế mới từ thị trường lớn Mỹ ảnh hưởng rất lớn đến xuất khẩu Việt Nam.



04 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

» TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Năm 2026, ngành dệt may được dự báo tiếp tục xu hướng phục hồi sau giai đoạn biến động của kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, tốc độ phục hồi được đánh giá còn chậm và không đồng đều giữa các thị trường. Nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu chủ lực như Hoa Kỳ và EU có cải thiện nhưng vẫn thận trọng, trong khi cạnh tranh về giá giữa các quốc gia sản xuất trong khu vực ngày càng gay gắt.

Bên cạnh đó, chi phí đầu vào như nguyên phụ liệu, lao động và chi phí tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế tiếp tục duy trì ở mức cao. Các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội và tiêu chuẩn môi trường ngày càng trở thành điều kiện bắt buộc đối với doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Ngoài ra, các yếu tố địa chính trị và rủi ro gián đoạn chuỗi vận tải quốc tế có thể tiếp tục tác động đến chi phí logistics và thời gian giao hàng, tạo thêm áp lực đối với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, cơ hội thị trường sẽ tập trung vào các doanh nghiệp có năng lực sản xuất ổn định, khả năng tổ chức sản xuất linh hoạt và đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng quốc tế.

» PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trước bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, Công ty xác định duy trì và phát triển nhóm khách hàng truyền thống tiếp tục là trọng tâm trong chiến lược kinh doanh. Đây là nhóm khách hàng mang lại nguồn đơn hàng ổn định, giúp Công ty chủ động hơn trong kế hoạch sản xuất và quản trị rủi ro thị trường.

Công ty định hướng gia tăng tỷ trọng đơn hàng từ các khách hàng có năng lực tài chính tốt, đơn hàng ổn định và định hướng hợp tác dài hạn. Đồng thời, Công ty từng bước nâng cao giá trị gia tăng trên mỗi đơn hàng thông qua việc phát huy lợi thế về tổ chức sản xuất, kiểm soát chất lượng, uy tín giao hàng và khả năng đáp ứng linh hoạt.

Năm 2026 được xác định là giai đoạn củng cố nền tảng khách hàng hiện hữu đồng thời tái cơ cấu danh mục đơn hàng, hướng tới sự cân bằng giữa quy mô sản xuất và hiệu quả kinh doanh. Việc nâng cao năng suất lao động, kiểm soát chi phí và cải thiện hiệu quả vận hành tiếp tục là các trọng tâm trong công tác điều hành.

» KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

STT	Hạng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư (đồng)
1	Máy móc thiết bị	27.908.364.000
2	Phần mềm	6.200.000.000
Tổng cộng		34.108.364.000

» KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2026

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục triển khai song song hai hình thức sản xuất FOB và gia công, trong đó FOB vẫn chiếm tỷ trọng chủ đạo trong cơ cấu đơn hàng. Công ty duy trì hợp tác ổn định với các khách hàng truyền thống như Olymp, Rock, Miss Me, Pacsun, Eunina, Yody và E3, qua đó đảm bảo nguồn đơn hàng tương đối ổn định cho kế hoạch sản xuất năm.

Theo kế hoạch, sản lượng năm 2026 dự kiến đạt khoảng 4,3 triệu sản phẩm, tăng khoảng 5% so với năm 2025. Doanh thu kế hoạch dự kiến đạt khoảng 1.772 tỷ đồng, tăng khoảng 1% so với năm 2025.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đối mặt với áp lực chi phí gia tăng, đặc biệt là chi phí lao động khi thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Theo đó, chi phí tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc dự kiến tăng khoảng 7%.

Để ứng phó với các áp lực nêu trên, Công ty sẽ triển khai các giải pháp tinh gọn bộ máy, cải tiến quy trình sản xuất tại cả khâu may và wash, tăng cường kiểm soát chi phí và lựa chọn đơn hàng phù hợp, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất và hạn chế tác động đến lợi nhuận trong năm 2026.

» PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- » Xây dựng phương án cũng như chiến lược kinh doanh tối ưu trong bối cảnh Mỹ thay đổi chính sách thuế quan.
- » **Đối với khách hàng:** Tiếp tục phối hợp với khách hàng truyền thống để phát triển mẫu, nhánh hàng mới và tiếp cận với khách hàng tiềm năng.
- » **Chi phí:** Thực hiện đồng bộ các giải pháp để giảm chi phí sản xuất (cân đối lực lượng lao động, tinh gọn bộ máy, giảm tăng ca không cần thiết, kiểm soát thiệt hại trong sản xuất,...).
- » **Chất lượng:** Duy trì tốt hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng để đảm bảo sự uy tín với khách hàng.
- » Rút ngắn thời gian sản xuất đối với hàng sơ mi và denim. Đây là được xem là yếu tố cạnh tranh mới.
- » Ứng dụng kết quả nghiên cứu kỹ thuật vào công tác lập kế hoạch sản xuất, dự báo đầy đủ các công đoạn phát sinh.
- » **Tuyển dụng, đào tạo:** Tuyển dụng công nhân có chất lượng; nâng cao chất lượng công tác đào tạo; đẩy mạnh chương trình đào tạo cho đội ngũ quản lý cấp thấp và cấp trung để phát triển tư duy, bổ sung kiến thức quản lý để áp dụng trong công việc.

05 GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

06 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



» ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Trước bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao sự chủ động của Công ty trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. BDG đã tích cực nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp công nghệ nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường hiện hành, đồng thời đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh doanh và phát triển bền vững.

Công ty cũng đã ban hành nhiều quy định về tiết kiệm năng lượng, sử dụng hợp lý tài nguyên và triển khai các hoạt động tuyên truyền nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong toàn thể người lao động. Nhờ đó, BDG từng bước xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch, thân thiện, đồng thời tạo nên tập thể có trách nhiệm cao trong việc giữ gìn vệ sinh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.



» ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG



Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao những nỗ lực của Công ty trong việc xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh và chất lượng. Công ty thực hiện tuyển dụng có chọn lọc, đảm bảo nhân sự đầu vào phù hợp với tiêu chuẩn sản xuất và yêu cầu thị trường quốc tế. Đồng thời, BDG tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu theo từng bộ phận, nhằm nâng cao kỹ năng tay nghề, vận hành thiết bị hiện đại và tăng hiệu suất làm việc.

Công ty cũng duy trì chính sách đãi ngộ công bằng, khen thưởng minh bạch, góp phần tạo động lực làm việc và khuyến khích nhân viên cống hiến lâu dài. Những cá nhân có thành tích nổi bật luôn được ghi nhận, góp phần xây dựng môi trường làm việc tích cực, gắn kết và hiệu quả.

» ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BDG luôn đặt trách nhiệm cộng đồng là một phần không thể tách rời trong chiến lược phát triển bền vững. Công ty chú trọng đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến nhằm giảm thiểu rác thải và tiếng ồn, đảm bảo môi trường sống trong lành cho người dân khu vực lân cận.

Song song đó, Công ty tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội, hỗ trợ các hộ nghèo, người khuyết tật và trao học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động này thể hiện rõ cam kết của BDG trong việc phát triển doanh nghiệp gắn liền với lợi ích cộng đồng và thúc đẩy môi trường sống công bằng, văn minh và bền vững.





04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	66
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	68
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	69

01

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

»

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

Hội đồng Quản trị đánh giá cao những khoản đầu tư đáng kể vào hệ thống phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động cũng như các dự án phát triển quan trọng khác. Đồng thời, Công ty đã đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ và trang thiết bị máy móc nhằm nâng cao năng suất, tối ưu hóa chi phí vận hành.



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty đã gặp không ít thách thức do sự suy giảm của thị trường xuất khẩu dệt may, đặc biệt tại các thị trường chủ chốt như Mỹ và Liên minh Châu Âu. Tuy nhiên, nhờ áp dụng chính sách lao động hợp lý và chiến lược kinh doanh linh hoạt, công ty vẫn duy trì được doanh thu ổn định. Sản lượng và kết quả kinh doanh phản ánh rõ những nỗ lực trong việc thích ứng với biến động thị trường.

NHÂN SỰ

Trân trọng những đóng góp của Ban Điều hành và toàn thể nhân viên, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách nhân sự tích cực, bao gồm các chương trình đào tạo và nâng cao kỹ năng, nhằm đảm bảo đội ngũ nhân sự có chất lượng cao và đáp ứng tốt nhu cầu phát triển.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Công tác quản lý điều hành: Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc đã phối hợp vận hành một cách linh hoạt, góp phần giúp công ty đạt được kết quả kinh doanh nổi bật trong năm. Với kết quả tăng trưởng mạnh mẽ dù tình hình kinh tế chỉ dẫn đang cải thiện, Công ty tiếp tục duy trì và nâng cao hệ thống quản lý đạt chuẩn ISO 9001, đảm bảo chất lượng từ nguyên phụ liệu đầu vào cho đến sản phẩm đầu ra. Các hoạt động đều được quản lý chặt chẽ nhằm tuân thủ đúng các Luật liên quan và các tiêu chuẩn SA 8000 về trách nhiệm đối với trách nhiệm xã hội.

»

TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

BDG thể hiện trách nhiệm với môi trường bằng cách áp dụng các biện pháp giảm thiểu lãng phí và tối ưu hóa quy trình sản xuất. Công ty cũng đầu tư vào năng lượng tái tạo nhằm giảm sự lệ thuộc vào nguồn năng lượng truyền thống và hạn chế khí thải carbon.



Công ty chú trọng vào việc xây dựng và duy trì một cơ cấu tổ chức hiệu quả, đảm bảo rằng mọi quyết định và hành động đều thống nhất với mục tiêu và định hướng chiến lược chung. Ban lãnh đạo không ngừng khuyến khích và nâng cao kỹ năng cho nhân viên, giúp họ phát huy tối đa năng lực nhằm đóng góp vào sự thành công của doanh nghiệp. Chiến lược kinh doanh được đổi mới và cải tiến liên tục để đảm bảo tăng trưởng bền vững và duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Công ty tập trung nâng cao môi trường làm việc, đảm bảo an toàn lao động và phát triển các chính sách phúc lợi cho nhân viên. Các chương trình đào tạo chuyên sâu cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao tay nghề và năng lực của người lao động.

BDG chủ động hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua các sáng kiến về giáo dục, y tế và phát triển kinh tế. Đồng thời, công ty cũng khuyến khích mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, hướng tới tăng trưởng lâu dài.

01 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

01 ĐÁNH GIÁ VỀ QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đánh giá cao lãnh đạo và quản lý của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025. Trong một năm có những diễn biến khôn lường và bất ngờ, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện được sự kịp thời trong việc đưa ra các chiến lược phù hợp với sự khởi sắc của thị trường.

02 KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2025, doanh thu và lợi nhuận của Công ty giảm nhẹ so với năm 2024. Trước bối cảnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động nắm bắt diễn biến thị trường và triển khai các giải pháp nhằm tối ưu hiệu quả kinh doanh, bao gồm đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị và nâng cao chính sách đãi ngộ để cải thiện năng suất lao động.

03 QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng và thực thi các chính sách nhân sự hiện đại, tập trung vào đào tạo và nâng cao kỹ năng cho người lao động. Việc chú trọng đến môi trường làm việc, sức khỏe và phúc lợi của nhân viên là điểm nhấn trong công tác quản lý.

04 PHÁT TRIỂN VÀ ĐẦU TƯ

Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tầm nhìn dài hạn khi đầu tư vào công nghệ và máy móc hiện đại nhằm nâng cao năng suất và tối ưu hóa chi phí. Các dự án đầu tư được triển khai hiệu quả, đặc biệt là việc nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy và đảm bảo an toàn lao động, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của công ty.

05 TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện những bước đi quan trọng nhằm nâng cao trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty. Các chương trình như ứng dụng năng lượng tái tạo, cải thiện điều kiện làm việc và hỗ trợ cộng đồng địa phương thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với sự phát triển bền vững.

02 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01 TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Hội đồng Quản trị đặt mục tiêu phát triển chuyên sâu các dòng sản phẩm chủ lực gồm sơ mi, jeans thời trang và jeans cơ bản. Định hướng chiến lược tập trung vào việc mở rộng thị trường, đa dạng hóa khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường năng lực cạnh tranh.

03 ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

Hội đồng Quản trị chú trọng đào tạo chuyên sâu và nâng cao kỹ năng cho công nhân, giúp họ vận hành hiệu quả các loại máy móc khác nhau. Đồng thời, chú trọng đào tạo đội ngũ kế thừa. Việc kiện toàn cơ cấu tổ chức và tối ưu hóa công tác nhân sự tại Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang được xác định là ưu tiên hàng đầu.

05 MỞ RỘNG VÀ ĐA DẠNG THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Với các thị trường quốc tế mà Công ty đang xuất khẩu đã dần trở nên bão hòa và cần các thị trường tiềm năng mới để có thể hạn chế rủi ro thiếu hụt đơn hàng. Các quốc gia như ở Châu Phi, châu Úc,... là một ví dụ khi mà khu vực này vẫn chưa thể tiếp cận hoàn toàn được và Công ty lấy đó làm nhiệm vụ quan trọng cần thực hiện trong thời gian tới.

02 CẢI THIỆN QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Công ty có kế hoạch đầu tư vào công nghệ và trang thiết bị hiện đại nhằm tăng cường năng suất và tối ưu hóa chi phí. Việc áp dụng Lean Manufacturing cùng các phương pháp quản lý chất lượng tiên tiến để giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu suất là một phần trong chiến lược phát triển trung và dài hạn.

04 QUẢN LÝ RỦI RO CHUỖI CUNG ỨNG

Mở rộng nguồn cung nhằm hạn chế rủi ro từ nhà cung cấp, đồng thời tăng cường giám sát chất lượng nguyên liệu đầu vào và quy trình sản xuất để đảm bảo tiêu chuẩn sản phẩm.

06 HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Công ty sẽ tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ giáo dục, y tế và phát triển kinh tế cho cộng đồng xung quanh khu vực hoạt động của công ty.

Bền vững và trách nhiệm xã hội: HĐQT khẳng định cam kết đầu tư vào sản xuất sạch và bền vững để giảm thiểu ảnh hưởng môi trường và thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	72
Ban kiểm soát	81
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	83

01 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

» THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN AN ĐỊNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại
- Đại diện: 11.831.418 CP - 47,71% (Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP) 434.475 CP - 1,75% (Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade)
 - Cá nhân: 0 CP - 0%
 - Người liên quan: 0 CP - 0%

- Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade.
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào.
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam.
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP.

BÀ PHẠM THỊ VƯỢNG

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Việt Vương

- Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang.
 - Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Việt Vương.

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại
- Đại diện: 9.677.580 CP - 39.02% (Công ty TNHH TM Việt Vương – Công ty Cổ phần)
 - Cá nhân: 0 CP - 0%
 - Người liên quan: 0 CP - 0%

ÔNG NGUYỄN HỒNG ANH

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang

- Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang.
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An.

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại
- Đại diện: 0 CP - 0%
 - Cá nhân: 0 CP - 0%
 - Người liên quan: 0 CP - 0%

ÔNG NGUYỄN VĨNH BẢO

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thương mại Việt Vương

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại
- Đại diện: 9.677.580 CP - 39.02% (Công ty TNHH TM Việt Vương – Công ty Cổ phần)
 - Cá nhân: 0 CP - 0%
 - Người liên quan: 0 CP - 0%

- Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang.

ÔNG PHAN THÀNH ĐỨC

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Xem tại Phần II mục lý lịch Ban điều hành

ÔNG NGUYỄN XUÂN QUÂN

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Xem tại Phần II mục lý lịch Ban điều hành

BÀ NGUYỄN THỊ TRÚC THANH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT ngày 26/06/2025)

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Xem tại Phần II mục lý lịch Ban điều hành

01 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiểu ban Chiến lược Phát triển – Trưởng tiểu ban: Bà Phạm Thị Vượng
- Tiểu ban Nhân sự Tiền lương – Trưởng tiểu ban: Ông Nguyễn An Định
- Tiểu ban Kiểm soát nội bộ - Trưởng tiểu ban: Ông Nguyễn An Định
- Tiểu ban Di dời - Trưởng tiểu ban: Ông Nguyễn An Định

Trong năm 2025, Công ty có sự chuyển tiếp giữa hai nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Theo đó, trong nhiệm kỳ 2020–2025, Hội đồng quản trị có thành lập các tiểu ban giúp việc, gồm: Tiểu ban Chiến lược, Tiểu ban Nhân sự – Tiền lương và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ. Tuy nhiên, do đặc thù của năm chuyển tiếp nhiệm kỳ và việc Hội đồng quản trị tập trung xử lý các vấn đề trọng tâm, cấp thiết của Công ty, đồng thời triển khai phương án di dời theo chủ trương đã được thông qua, trong nửa đầu năm 2025, các tiểu ban này chưa được kiện toàn về nhân sự và không phát sinh hoạt động.

Kể từ ngày 26/6/2025, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025–2030 bắt đầu hoạt động. Theo đó, các tiểu ban giúp việc thuộc nhiệm kỳ 2020–2025 chấm dứt theo nhiệm kỳ, đồng thời Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới không tổ chức thành lập các tiểu ban giúp việc.

Do vậy, trong 6 tháng đầu năm 2025, các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị không phát sinh hoạt động trong thời gian Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020–2025 còn hiệu lực. Đồng thời, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025–2030 không thành lập các tiểu ban giúp việc, nên không phát sinh cơ cấu tiểu ban trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2025.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị

Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn Ban Giám đốc tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất của HĐQT, qua báo cáo định kỳ hàng tháng, qua trao đổi bằng nhiều hình thức khác nhau về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, phù hợp và kịp thời. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Giám đốc phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Việc chỉ đạo, điều hành của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc Công ty được đảm bảo theo nguyên tắc bàn bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

HĐQT cũng đã giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định, bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin quan trọng có ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư hoặc các thông tin có ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty. Trang web của công ty có chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông và đăng tải đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận thông tin.

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban Giám đốc theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, minh bạch đảm bảo lợi ích cho công ty và cổ đông.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn An Định	04/04	100%	
2	Bà Phạm Thị Vượng	04/04	100%	
3	Ông Phan Thành Đức	04/04	100%	
4	Ông Nguyễn Xuân Quân	04/04	100%	
5	Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	04/04	100%	
6	Ông Nguyễn Hồng Anh	02/02	100%	Hết nhiệm kỳ
7	Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	02/02	100%	Hết nhiệm kỳ

Nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	07/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua thưởng lương tháng 13 năm 2024 cho người lao động.	100%
2	08/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua chi thưởng Ban điều hành bổ sung năm 2023 và phê duyệt tạm ứng Quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2024.	100%
3	09/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua đề cử Người đại diện tham gia ứng cử vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát Triển Thời trang.	100%
4	10/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	100%
5	11/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.	100%
6	12/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.	100%
7	13/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua một số hoạt động đầu tư và các hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	100%

01 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
8	14/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua ký kết hợp đồng gia công năm 2025 giữa Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang và giao cho Tổng giám đốc Công ty là người đại diện và thay mặt Công ty để ký kết Hợp đồng và các phụ lục đính kèm.	100%
9	15/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua ký kết hợp đồng thuê đất giữa Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade và giao cho Tổng giám đốc Công ty là người đại diện và thay mặt Công ty để ký kết Hợp đồng và các phụ lục đính kèm.	100%
10	16/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua việc đầu tư máy móc thiết bị năm 2025.	100%
11	17/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	17/04/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025: Chậm nhất đến ngày 30/06/2025 và ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông, thời gian và hình thức tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào thời điểm phù hợp nhưng không quá ngày 30/06/2025.	100%
12	18/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	04/06/2025	1. Thông qua các nội dung, tài liệu trình phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025: - Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025; - Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; - Tờ trình về việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030; - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2024; - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025; - Tờ trình phê duyệt chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2025;	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12	18/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	04/06/2025	- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương; - Tờ trình Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2025-2030; 2. Thông qua Tờ trình về số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030.	100%
13	20/NQ-HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)	04/06/2025	Chấp thuận giao dịch, hợp đồng mua bán hàng hóa dịch vụ năm 2025 giữa Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương với các đơn vị thuộc trường hợp “Người có liên quan” của thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát Công ty. Cụ thể: - Công ty TNHH Sản Golf Palm – Sông Bé; - Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An. Giao Tổng giám đốc đại diện và thay mặt Công ty quyết định/ký kết hợp đồng, thỏa thuận cụ thể cho từng giao dịch.	100%
14	01/QĐ-HĐQT	25/04/2025	Quyết định thành lập Ban Dự án tổ chức triển khai phương án di dời Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương. Ban Dự án có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến chương trình di dời Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.	100%
15	02/QĐ-HĐQT	12/06/2025	Quyết định thành lập Ban tổ chức Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
16	03/QĐ-HĐQT	16/06/2025	Quyết định thông qua danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030.	100%
17	01/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thống nhất bầu ông Nguyễn An Định – Thành viên Hội đồng quản trị chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030, kể từ ngày 26/06/2025.	100%
18	02/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thống nhất bầu bà Phạm Thị Vượng – Thành viên Hội đồng quản trị chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030, kể từ ngày 26/06/2025.	100%

01 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
19	03/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thông nhất bổ nhiệm ông Phan Thành Đức – Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030, kể từ ngày 26/06/2025.	100%
20	04/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thông nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Quân – Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030, kể từ ngày 26/06/2025.	100%
21	05/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thông nhất bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Trúc Thanh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030, kể từ ngày 26/06/2025 đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật lao động.	100%
22	06/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thông nhất bổ nhiệm bà Lê Thị Thanh Tú giữ chức vụ Thư ký Công ty của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030, kể từ ngày 26/06/2025.	100%
23	07/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thông nhất bổ nhiệm bà Nguyễn Minh Thủy giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030, kể từ ngày 26/06/2025.	100%
24	08/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thông nhất giao ông Nguyễn An Định – Thành viên Hội đồng quản trị chủ trì tổ chức xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030, đồng thời thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Giao Ban điều hành báo cáo phương án tái ký hợp đồng lao động theo nhiệm kỳ mới; tổ chức thực hiện việc bổ nhiệm lại nhân sự quản lý theo nhiệm kỳ 2025-2030; nghiên cứu, xem xét và đề xuất phương án điều chỉnh số lượng người đại diện pháp luật của Công ty từ 1 người lên 2 người; tìm kiếm, tuyển chọn nhân sự cho vị trí Phó Tổng giám đốc nhằm phục vụ mục tiêu mở rộng thị trường và phát triển khách hàng; rà soát, báo cáo giải trình cụ thể và đề xuất giải pháp để xử lý các kiến nghị của Ban kiểm soát; nghiên cứu, xem xét về việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
25	01/QĐ-HĐQT	26/06/2025	Quyết định bổ nhiệm ông Phan Thành Đức giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030, Người đại diện pháp luật, kể từ ngày 26/06/2025.	100%
26	02/QĐ-HĐQT	26/06/2025	Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Quân giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030, kể từ ngày 26/06/2025.	100%
27	03/QĐ-HĐQT	26/06/2025	Quyết định bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Trúc Thanh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương nhiệm kỳ 2025-2030, kể từ ngày 26/06/2025 đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật lao động.	100%
28	09/NQ-HĐQT	17/07/2025 (lấy ý kiến bằng văn bản)	Thông qua chi trả cổ tức năm 2024.	100%



01 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập (ông Nguyễn Vinh Bảo). Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; góp ý định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh cho Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ và Tên	Chứng chỉ
1	Ông Nguyễn An Định	Chứng chỉ quản trị công ty
2	Ông Nguyễn Hồng Anh	Chứng chỉ quản trị công ty
3	Ông Phan Thành Đức	Chứng chỉ quản trị công ty



02 BAN KIỂM SOÁT

» THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

ÔNG LÊ TRỌNG NGHĨA

Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại

- Đại diện: 11.831.418 CP - 47,71% (Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP) 434.475 CP - 1,75% (Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade)
- Cá nhân: 0 CP - 0%
- Người liên quan: 0 CP - 0%

Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hưng Vượng.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH YCH Protrade.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú.

ÔNG HỨA TUẤN CƯỜNG

Thành viên ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương – Chi nhánh Quận 7.
- Chức danh thành viên Ban kiểm soát tại các Công ty khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya (SBBS).

Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác

- Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại

- Đại diện: 0 CP - 0%
- Cá nhân: 2.420 CP - 0,01%
- Người liên quan: 0 CP - 0%

BÀ NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG

Thành viên ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP.
- Chức danh thành viên Ban kiểm soát tại các Công ty khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade.
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào.

Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại Tổng Hợp Thuận An.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại

- Đại diện: 11.831.418 CP - 47,71% (Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP) 434.475 CP - 1,75% (Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade)
- Cá nhân: 0 CP - 0%
- Người liên quan: 0 CP - 0%

02BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Các cuộc họp của HĐQT đều được thông báo đến các thành viên của BKS để tham dự cuộc họp. Ban kiểm soát (BKS) đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), nắm bắt tình hình thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

Thông qua các đợt kiểm tra, giám sát trong năm, Ban kiểm soát đã có những đánh giá, góp ý, kiến nghị HĐQT và Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

Năm 2025, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong hoạt động. Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành được cung cấp đầy đủ, kịp thời cho Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, ban, cán bộ quản lý Công ty đã tạo điều kiện làm việc và cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Trọng Nghĩa	02/02	100%	100%	
2	Ông Hứa Tuấn Cường	02/02	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	02/02	100%	100%	

03CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập năm 2025 (VND)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch HĐQT	1.035.684.000
2	Bà Phạm Thị Vượng	Phó chủ tịch HĐQT	776.763.000
3	Ông Phan Thành Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.006.126.290
4	Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	2.655.955.732
5	Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	517.842.000
6	Ông Nguyễn Hồng Anh (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)	Thành viên HĐQT không điều hành	517.842.000
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc (Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT ngày 26/06/2025)	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	2.779.743.611
BAN KIỂM SOÁT			
1	Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	517.842.000
2	Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên Ban kiểm soát	414.274.00
3	Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên Ban kiểm soát	414.274.00
KẾ TOÁN TRƯỞNG			
1	Bà Nguyễn Minh Thùy	Kế toán trưởng	1.175.340.773

03 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, Công ty không ngừng cập nhật và áp dụng các thông lệ quản trị tiên tiến nhằm đảm bảo sự phù hợp với hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa hiệu quả vận hành. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã được ban hành và điều chỉnh theo các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC, cùng các quy định liên quan khác.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	<div><div>- Ông Nguyễn An Định – Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT.</div><div>- Ông Lê Trọng Nghĩa – Trưởng BKS là Thành viên HĐQT.</div><div>- Bà Nguyễn Thị Kim Phượng – Thành viên BKS là KSV.</div></div>	0	0,00%	437.475	1,75%	Tăng – Mua do nhu cầu đầu tư



03

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

>>

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên cá nhân, tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang	Công ty con	ĐKKD số 3702554519 cấp ngày 18/04/2017, thay đổi lần 6 ngày 03/07/2023 tại Sở KH&ĐT Bình Dương	Lô Số 20-8, đường 8B, KCN Quốc tế Protrade, phường Tây Nam, TP. HCM	Năm 2025	Nghị quyết HĐQT số 02/NQ-HĐQT ngày 25/04/2024 và Nghị quyết HĐQT số 14/NQ-HĐQT ngày 17/04/2025	Phí gia công wash (chưa bao gồm VAT): 257.119.744.014 đồng
2	Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	Công ty mẹ của Công ty SX-XNK Bình Dương CTCP	ĐKKD số: 3702418724, cấp ngày: 01/12/2015, tại Sở KH&ĐT Bình Dương	Tầng 17, Tòa nhà Becamex Tower, Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Lợi, TP. HCM	Năm 2025	HĐQT số 14/NQ-HĐQT ngày 17/04/2025; Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT ngày 25/04/2024 và số 06/NQ-HĐQT ngày 06/11/2024	Thuê quyền sử dụng đất, thuê nhà, thuê tài sản (chưa bao gồm VAT): 6.335.750.000 đồng
3	Công ty TNHH Một Thành viên Quốc tế PROTRADE	Người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS	ĐKKD số: 3700856169, cấp ngày: 29/10/2007, tại Sở KH&ĐT Bình Dương	Đường 4A, KCN Quốc tế Protrade, phường Tân Phước Khánh, TP. HCM	Năm 2025	Nghị quyết HĐQT số 15/NQ-HĐQT ngày 17/04/2025	Thuê đất/dự án dời nhà máy Protrade Garment Bình Dương: chưa VAT: 95.304.418.000 đồng; đặt cọc phí quản lý hạ tầng: 77.996.760 đồng
4	Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS	ĐKKD số: 3700226985 cấp ngày: 11/01/2008, tại Sở KH&ĐT Bình Dương	Số 77 Đại lộ Bình Dương, Phường Lái Thiêu, TP. HCM	Năm 2025	Nghị quyết HĐQT số 20/NQ-HĐQT ngày 04/06/2025	Mua dịch vụ (chưa bao gồm VAT): 374.497.600 đồng
5	Công ty Cổ phần TM Tổng Hợp Thuận An	Người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS	ĐKDN số: 3700359664 cấp ngày: 06/12/2000, tại Sở KH&ĐT Bình Dương	Số 90 đường Châu Văn Tiếp, Phường Lái Thiêu, TP. HCM	Năm 2025	Nghị quyết HĐQT số 20/NQ-HĐQT ngày 04/06/2025	Mua hàng hóa (chưa bao gồm VAT): 307.655.700 đồng





06

Ý kiến kiểm toán

88

Báo cáo tài chính được kiểm toán

90

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài Chính) tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ năm (05) ngày 27 tháng 03 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Ông Phan Thành Đức	Thành viên	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm 26/06/2025
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm 26/06/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Ông Nguyễn Xuân Quân	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Tái bổ nhiệm 26/06/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm 26/06/2025
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên	Tái bổ nhiệm 26/06/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phan Thành Đức - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

Số: 270326.003/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Thuyết minh số 37b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, trong năm Công ty tiến hành rà soát và thực hiện thủ tục truy đóng bổ sung các khoản bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN) cho 317 người lao động trong giai đoạn từ tháng 04/2021 đến tháng 06/2024.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2023-002-1

Kiểm toán viên



Đào Trung Thành
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2024-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		836.089.871.106	892.610.103.449
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	40.096.734.073	48.862.200.008
111	1. Tiền		35.096.734.073	33.862.200.008
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	15.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	186.523.398.636	265.402.054.405
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		186.523.398.636	265.402.054.405
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		311.564.782.740	283.259.843.690
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	296.338.438.161	264.878.083.754
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.891.845.943	2.854.723.972
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	12.656.539.855	15.770.829.138
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(322.041.219)	(243.793.174)
140	IV. Hàng tồn kho	9	236.366.999.548	235.196.575.141
141	1. Hàng tồn kho		236.366.999.548	235.196.575.141
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		61.537.956.109	59.889.430.205
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.792.110.138	2.969.040.286
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		57.574.350.631	56.714.019.747
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	171.495.340	206.370.172
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		326.491.246.377	240.012.748.511
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		279.729.826	201.733.066
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	279.729.826	201.733.066
220	II. Tài sản cố định		181.726.915.846	186.258.390.439
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	181.095.837.782	185.293.709.231
222	- Nguyên giá		561.389.179.593	534.316.422.805
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(380.293.341.811)	(349.022.713.574)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	631.078.064	964.681.208
228	- Nguyên giá		9.414.714.111	9.414.714.111
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.783.636.047)	(8.450.032.903)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	1.231.323.229	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.231.323.229	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	-	3.000.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		143.253.277.476	50.552.625.006
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	129.356.984.196	34.432.924.801
269	2. Lợi thế thương mại	14	13.896.293.280	16.119.700.205
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.162.581.117.483	1.132.622.851.960

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		447.496.755.058	480.502.349.514
310	I. Nợ ngắn hạn		439.249.901.259	429.780.680.408
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	139.143.327.678	124.773.367.951
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	19.122.280.955	19.898.179.112
314	3. Phải trả người lao động		75.279.373.340	88.591.516.135
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	316.725.793	202.873.889
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	3.954.832.590	3.383.861.511
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	184.714.425.924	184.271.067.012
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		16.718.934.979	8.659.814.798
330	II. Nợ dài hạn		8.246.853.799	50.721.669.106
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	-	35.922.178.558
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32	8.246.853.799	14.799.490.548
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		715.084.362.425	652.120.502.446
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	715.084.362.425	652.120.502.446
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		247.999.200.000	247.999.200.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		247.999.200.000	247.999.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		115.154.590.525	83.301.072.046
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		309.755.474.288	288.941.796.108
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		184.736.084.123	124.666.351.653
421b	LNST chưa phân phối năm nay		125.019.390.165	164.275.444.455
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		42.044.763.353	31.748.100.033
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.162.581.117.483	1.132.622.851.960

Người lập

Lê Văn Đông

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Thùy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

Phan Thành Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.765.786.732.419	1.821.385.866.875
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	3.387.808.365	4.856.209.191
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.762.398.924.054	1.816.529.657.684
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.475.508.740.504	1.504.153.889.016
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		286.890.183.550	312.375.768.668
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	43.854.064.592	55.484.199.526
22	7. Chi phí tài chính	26	35.136.302.929	41.118.135.008
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.056.977.408	11.845.150.484
25	9. Chi phí bán hàng	27	17.239.385.273	17.171.901.229
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	107.594.022.475	105.913.552.852
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		170.774.537.465	203.656.379.105
31	12. Thu nhập khác	29	3.277.216.189	6.871.619.190
32	13. Chi phí khác	30	6.639.992.583	217.525.047
40	14. Lợi nhuận khác		(3.362.776.394)	6.654.094.143
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		167.411.761.071	210.310.473.248
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	38.648.344.335	41.924.287.275
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	(6.552.636.749)	(7.247.523.765)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		135.316.053.485	175.633.709.738
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		125.019.390.165	164.275.444.455
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		10.296.663.320	11.358.265.283
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	5.041	6.624

Người lập

Lê Văn Đông

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Thùy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		167.411.761.071	210.310.473.248
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		34.818.535.210	35.061.474.160
03	- Các khoản dự phòng		78.248.045	(87.750.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.442.383.113	308.115.203
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.320.986.691)	(9.416.738.116)
06	- Chi phí lãi vay		10.056.977.408	11.845.150.484
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		204.486.918.156	248.020.724.979
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(30.768.474.449)	(74.855.135.060)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.170.424.407)	21.818.359.500
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.812.067.954	(1.017.845.689)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.664.931.381)	(1.090.889.232)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.116.770.359)	(11.904.963.971)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(39.461.592.294)	(37.704.294.284)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.293.273.325)	(3.719.101.113)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		119.823.519.895	139.546.855.130
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(124.177.174.787)	(21.750.938.847)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	13.636.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(60.400.000.000)	(197.867.782.157)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		142.278.655.769	96.210.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(31.813.884)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.986.658.033	11.035.610.813
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(30.311.860.985)	(112.391.287.711)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.553.877.174.989	1.673.471.992.286
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.590.161.743.280)	(1.659.452.586.345)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.959.985.500)	(61.993.806.450)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(98.244.553.791)	(47.974.400.509)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.732.894.881)	(20.818.833.090)

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		48.862.200.008	69.598.955.414
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(32.571.054)	82.077.684
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	40.096.734.073	48.862.200.008

Người lập



Lê Văn Đông

Kế toán trưởng

ym

Nguyễn Minh Thùy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài Chính) tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ năm (05) ngày 27 tháng 03 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 247.999.200.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 247.999.200.000 VND; tương đương 24.799.920 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.291 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 2.367 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đang ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2025 giảm 42,899 tỷ VND (tương đương 20,4%) so với năm trước. Chủ yếu là do:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2025 giảm 54,13 tỷ VND (tương đương 2,98%), tuy nhiên giá vốn hàng bán chỉ giảm 28,645 tỷ VND (tương đương 1,9%) so với năm trước. Nguyên nhân do mặc dù kinh tế toàn cầu đã dần ổn định, sự phục hồi của kinh tế thế giới, đặc biệt là Mỹ và châu Âu, cùng với việc giảm lạm phát tạo điều kiện thuận lợi cho ngành may mặc, tuy nhiên dưới áp lực cạnh tranh gay gắt, chi phí nguyên vật liệu và đơn giá tiền lương tăng theo mức lương cơ bản, làm giá vốn tăng nhanh hơn doanh thu. Điều này làm lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 25,486 tỷ VND tương đương 8,16%.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 11,630 tỷ VND (tương đương giảm 20,96%, chủ yếu do lãi chênh lệch tỷ giá. Nguyên nhân do tỷ giá ngoại tệ năm nay ổn định hơn năm trước.
- Chi phí khác tăng 6,422 tỷ VND, chủ yếu do các khoản lãi phạt chậm nộp.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 là:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Tỉnh Bình Dương	76,08%	76,08%	Wash

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 .Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính chi phí phải trả;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể Đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
 - Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	05-25 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.
- Chi phí thuê đất, thuê chung cư được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 08 tháng đến 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí thuê nhà xưởng, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6823227811 chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 02 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương - Ban Quản lý các KCN Bình Dương (nay là UBND Thành phố Hồ Chí Minh - Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh) cấp, Công ty được hưởng ưu đãi về địa bàn ưu đãi đầu tư như sau: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 (hai) năm và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 4 (bốn) năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp Công ty không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu. Năm 2025 là năm thứ bảy Công ty này có doanh thu từ dự án đầu tư.

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty mẹ và các Công ty con được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Tại Công ty mẹ: hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.
- Tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang: Giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án và đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	656.094.798	543.655.479
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.440.639.275	33.318.544.529
Các khoản tương đương tiền ^(*)	5.000.000.000	15.000.000.000
	40.096.734.073	48.862.200.008

^(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng có giá trị 5.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với lãi suất 6,1%/năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn nêu trên đã được tất toán trong tháng 2/2026, do đó đã Công ty phân loại lại là các khoản tương đương tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	186.523.398.636	-	265.402.054.405	-
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	186.523.398.636	-	265.402.054.405	-
Đầu tư dài hạn	-	-	3.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.000.000.000	-
	186.523.398.636	-	268.402.054.405	-

(1) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,8%/ năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị là 50.963.398.636 VND. Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 16.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2025		01/01/2025	
Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết
VND	%	VND	%
-	13,19	-	13,19
-	-	-	-
-	-	-	-

- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân ⁽²⁾

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân với tỷ lệ sở hữu chiếm 13,19% vốn điều lệ, có giá trị bằng 0 đồng do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Rcrv Inc Dba Rock Revival	87.246.165.792	-	86.685.444.918	-
- Victory 2020, LLC (DBA Miss Me)	110.641.524.427	-	89.960.970.560	-
- Olymp Bezner Kg Hopfighemer	64.829.699.739	-	39.118.367.575	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	33.621.048.203	-	49.113.300.701	-
	296.338.438.161	-	264.878.083.754	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Dương Minh Phát	-	-	782.720.380	-
- Foshan Seazon Textile and Garment Co., LTD	-	-	520.456.781	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tiến Phát Tài	-	-	405.358.880	-
- Gerber Scientific International LTD	-	-	357.461.103	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công nghiệp và Dân Dụng	1.800.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật VBS	251.907.840	-	-	-
- Trả trước các đối tượng khác	839.938.103	(78.248.045)	788.726.828	-
	2.891.845.943	(78.248.045)	2.854.723.972	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về tạm ứng	1.780.099.031	-	2.145.465.234	-
- Ký cược, ký quỹ	100.800.000	-	7.762.877.252	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	25.598.337	-	1.622.521.192	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.057.252.151	-	3.722.923.493	-
- Phải thu các khoản BHXH, BHYT, BHTN đã chi hộ cho người lao động (*)	6.258.018.657	-	-	-
- Phải thu khác	1.434.771.679	(243.793.174)	517.041.967	(243.793.174)
	12.656.539.855	(243.793.174)	15.770.829.138	(243.793.174)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	279.729.826	-	201.733.066	-
	279.729.826	-	201.733.066	-

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 37b.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Nam Việt	123.343.174	-	123.343.174	-
+ Các đối tượng khác	232.232.922	33.534.877	120.450.000	-
	355.576.096	33.534.877	243.793.174	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	7.416.308.293	-	7.107.890.989	-
Nguyên liệu, vật liệu	108.947.188.455	-	105.874.057.956	-
Công cụ, dụng cụ	3.114.260.524	-	3.460.425.285	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	106.772.544.347	-	112.572.484.419	-
Thành phẩm	10.116.697.929	-	6.181.716.492	-
	236.366.999.548	-	235.196.575.141	-

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm bổ sung các khoản vay là toàn bộ giá trị hàng hóa tồn kho luân chuyển của Công ty tại thời điểm 31/12/2025. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh 16).

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
	1.231.323.229	-
	1.231.323.229	-

Dự án di dời nhà máy

- Căn cứ theo Nghị quyết 06/NQ-HĐQT ngày 06/11/2024, Hội đồng quản trị đã thông qua phương án di dời nhà máy để thực hiện theo Đề án: "Điều tra, đánh giá thực trạng hoạt động và đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở địa bàn phía Nam chuyển đổi công năng, di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Bình Dương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.
- Tổng mức đầu tư dự kiến là: 393.490.026.300 VND.
- Trong năm, Công ty đã thuê đất tại Khu công nghiệp Quốc tế Protrade để triển khai theo kế hoạch này. (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 21a).
- Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty đang thực hiện các công việc liên quan đến thiết kế dự án, lựa chọn đơn vị cung cấp dây chuyền sản xuất. Dự án di dời dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2028.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	133.757.701.381	329.657.368.723	47.908.773.885	13.216.654.561	9.775.924.255	534.316.422.805
- Mua trong năm	-	25.942.820.979	552.000.000	365.321.684	-	26.860.142.663
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	212.614.125	-	-	-	-	212.614.125
Số dư cuối năm	133.970.315.506	355.600.189.702	48.460.773.885	13.581.976.245	9.775.924.255	561.389.179.593
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	74.970.436.629	230.361.730.301	28.445.214.287	12.173.186.874	3.072.145.483	349.022.713.574
- Khấu hao trong năm	3.583.782.639	23.274.474.515	3.533.715.781	289.775.614	588.879.688	31.270.628.237
Số dư cuối năm	78.554.219.268	253.636.204.816	31.978.930.068	12.462.962.488	3.661.025.171	380.293.341.811
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	58.787.264.752	99.295.638.422	19.463.559.598	1.043.467.687	6.703.778.772	185.293.709.231
Tại ngày cuối năm	55.416.096.238	101.963.984.886	16.481.843.817	1.119.013.757	6.114.899.084	181.095.837.782

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 38.736.781.432 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 127.545.051.520 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	530.000.000	8.884.714.111	9.414.714.111
Số dư cuối năm	530.000.000	8.884.714.111	9.414.714.111
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	530.000.000	7.920.032.903	8.450.032.903
- Khấu hao trong năm	-	333.603.144	333.603.144
Số dư cuối năm	530.000.000	8.253.636.047	8.783.636.047
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	964.681.208	964.681.208
Tại ngày cuối năm	-	631.078.064	631.078.064

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 782.748.222 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.768.463.603	2.409.668.983
- Chi phí bảo hiểm tài sản	152.736.619	215.758.243
- Chi phí sửa chữa	166.518.167	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.704.391.749	343.613.060
	3.792.110.138	2.969.040.286
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	315.353.675	68.229.649
- Chi phí tiền thuê đất (*)	125.451.496.560	32.369.298.694
- Chi phí sửa chữa lớn	2.781.052.129	1.895.330.518
- Chi phí trả trước dài hạn khác	809.081.832	100.065.940
	129.356.984.196	34.432.924.801

(*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 21a.

14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	22.234.069.249	39.483.074.033
- Giảm do Công ty con giải thể	-	(17.249.004.784)
Số dư cuối năm	22.234.069.249	22.234.069.249
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	6.114.369.044	21.139.966.903
- Số phân bổ, tổn thất trong năm	2.223.406.925	2.223.406.925
- Giảm do Công ty con giải thể	-	(17.249.004.784)
Số dư cuối năm	8.337.775.969	6.114.369.044
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	16.119.700.205	18.343.107.130
Số dư cuối năm	13.896.293.280	16.119.700.205

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.943.988.940	1.943.988.940	1.627.988.358	1.627.988.358
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	1.878.634.800	1.878.634.800	1.523.449.368	1.523.449.368
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	65.354.140	65.354.140	104.538.990	104.538.990
Bên khác	137.199.338.738	137.199.338.738	123.145.379.593	123.145.379.593
- Olymp Bezner KG Hopfighemer	20.211.382.330	20.211.382.330	13.816.528.486	13.816.528.486
- Công ty TNHH Dệt Tường Long	-	-	21.861.747.743	21.861.747.743
- Grandian Hong Kong Co., Ltd	15.105.756.293	15.105.756.293	7.318.393.844	7.318.393.844
- Công ty TNHH Denim Tường Long	21.888.987.130	21.888.987.130	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	79.993.212.985	79.993.212.985	80.148.709.520	80.148.709.520
	139.143.327.678	139.143.327.678	124.773.367.951	124.773.367.951

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh

16 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	148.771.067.012	148.771.067.012	1.554.682.923.634	1.554.661.743.280	148.792.247.366	148.792.247.366
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.178.024.387	40.178.024.387	717.685.125.846	737.817.402.815	20.045.747.418	20.045.747.418
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	57.491.042.625	57.491.042.625	104.131.432.091	134.329.641.009	27.292.833.707	27.292.833.707
- Chi nhánh Bình Dương						
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	51.102.000.000	51.102.000.000	732.866.365.697	682.514.699.456	101.453.666.241	101.453.666.241
- Chi nhánh Bình Dương						
Vay dài hạn đến hạn trả	35.500.000.000	35.500.000.000	35.922.178.558	35.500.000.000	35.922.178.558	35.922.178.558
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	35.500.000.000	35.500.000.000	35.922.178.558	35.500.000.000	35.922.178.558	35.922.178.558
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						
	184.271.067.012	184.271.067.012	1.590.605.102.192	1.590.161.743.280	184.714.425.924	184.714.425.924
b) Vay dài hạn						
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	71.422.178.558	71.422.178.558	-	35.500.000.000	35.922.178.558	35.922.178.558
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						
	71.422.178.558	71.422.178.558	-	35.500.000.000	35.922.178.558	35.922.178.558
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(35.500.000.000)	(35.500.000.000)	(35.922.178.558)	(35.500.000.000)	(35.922.178.558)	(35.922.178.558)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	35.922.178.558	35.922.178.558			-	-

16 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Lãi suất	Thời gian duy trì hạn mức vay	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2025	USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 24.4882147/2024-HDCVHM/NHCT900-MMBD ngày 21/11/2024 kèm theo Phụ lục số 24.4882147/2024-HDCVHM-SDBS1/NHCT900-MMBD ngày 02/01/2025 và Phụ lục số 24.4882147/2024-HDCVHM-SDBS02/NHCT900-MMBD ngày 17/11/2025	Theo từng giấy nhận nợ từ ngày 21/11/2025 đến ngày 28/02/2026	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	759.970,71	20.045.747,418	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương						
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 100B25-MBD ngày 14/11/2025	Theo từng giấy nhận nợ từ ngày 14/11/2025 đến ngày 13/11/2026. Thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay ghi trên từng Giấy nhận nợ.	- Thẻ chấp hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; - Thẻ chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại/quyền đòi nợ từ các đối tác; - Cầm cố tiền gửi có kỳ hạn.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (ngoại trừ nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định)	1.034.720,92	27.292.833,707	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương						
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/4675359/HĐTD ngày 03/09/2025	Theo từng giấy nhận nợ từ ngày 03/09/2025 đến ngày 31/08/2026. Thời hạn vay chỉ tiết theo từng Hợp đồng.	Cầm cố khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành LC, chiết khấu, bao thanh toán phục vụ sản xuất kinh doanh	3.846.292,84	101.453.666,241	
				5.640.984,47	148.792.247,366	

16 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Lãi suất	Thời hạn thanh toán	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2025	USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư Số 18.2110067/2018-HDCVDADT/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 12/10/2018	Theo từng Giấy nhận nợ của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Ngày đến hạn của khoản nợ cuối vào ngày 19/10/2026	- Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 19.2110081/2019/HĐBĐ/NHC T900-PTTHOITRANG; - Theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 21.3150118/2021/HĐBĐ/NHC T900.	Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng Nhà máy may mặc sản xuất Jean và phát triển thời trang quy mô 5,75 triệu sản phẩm/năm tại Lô số 20-8, Đường số 8B, KCN Quốc tế Protrade, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	-	35.922.178,558	
				35.922.178,558	(35.922.178,558)	
				-	-	

Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng

Các khoản vay tại ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	1.174.068.386	16.395.005.091	16.696.904.408	-	872.169.069
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	951.305.340	951.305.340	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	171.495.340	18.576.225.891	38.648.344.335	39.461.592.294	171.495.340	17.762.977.932
- Thuế thu nhập cá nhân	34.874.832	147.884.835	11.759.652.323	11.385.528.372	-	487.133.954
- Các loại thuế khác	-	-	429.310.123	429.310.123	-	-
	206.370.172	19.898.179.112	68.183.617.212	68.924.640.537	171.495.340	19.122.280.955

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	143.080.938	202.873.889
- Chi phí mở thư bảo lãnh	23.635.569	-
- Chi phí phải trả khác	150.009.286	-
	316.725.793	202.873.889

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.414.592.331	1.981.453.516
- Bảo hiểm xã hội	164.893.381	146.419.395
- Bảo hiểm y tế	267.831.178	245.916.514
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	50.570.400	10.755.900
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký (*)	1.424.605.638	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	602.469.622	999.316.186
	3.954.832.590	3.383.861.511

(*) Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang, căn cứ Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2025, Đại hội đồng cổ đông quyết nghị thông qua Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 06/06/2025 về chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024 và kế hoạch chi trả năm 2025. Theo đó, thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024 được trích với tỷ lệ 3% Lợi nhuận sau thuế năm 2024. Mức thù lao này được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2024	247.999.200.000	130.334.259	(1.135.037.967)	59.369.394.731	220.108.953.996	20.421.648.634	546.894.493.653		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	164.275.444.455	11.358.265.283	175.633.709.738		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	23.931.677.315	(23.931.677.315)	-	-		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.179.503.195)	-	(7.179.503.195)		
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(1.196.583.866)	-	(1.196.583.866)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(61.999.800.000)	-	(61.999.800.000)		
Điều chỉnh giảm do Công ty con đã hoàn tất thủ tục giải thể	-	-	1.135.037.967	-	(1.135.037.967)	(31.813.884)	(31.813.884)		
Số dư tại ngày 31/12/2024	247.999.200.000	130.334.259	-	83.301.072.046	288.941.796.108	31.748.100.033	652.120.502.446		
Số dư tại ngày 01/01/2025	247.999.200.000	130.334.259	-	83.301.072.046	288.941.796.108	31.748.100.033	652.120.502.446		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	125.019.390.165	10.296.663.320	135.316.053.485		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	31.853.518.479	(31.853.518.479)	-	-		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.963.379.620)	-	(7.963.379.620)		
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(2.389.013.886)	-	(2.389.013.886)		
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(61.999.800.000)	-	(61.999.800.000)		
Số dư tại ngày 31/12/2025	247.999.200.000	130.334.259	-	115.154.590.525	309.755.474.288	42.044.763.353	715.084.362.425		

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	Phân phối LNST năm 2024
		VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024	100,00%	159.267.592.394
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00%	31.853.518.479
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,50%	2.389.013.886
Trích Quỹ thưởng Khen thưởng, phúc lợi	5,00%	7.963.379.620
Chi trả cổ tức bằng tiền (tương ứng 25% vốn điều lệ)	38,93%	61.999.800.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2024	34,57%	55.061.880.409

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	47,71	118.314.180.000	47,71	118.314.180.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	39,02	96.775.800.000	39,02	96.775.800.000
- Cổ đông khác	13,27	32.909.220.000	13,27	32.909.220.000
	100,00	247.999.200.000	100,00	247.999.200.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	247.999.200.000	247.999.200.000
- Vốn góp cuối năm	247.999.200.000	247.999.200.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	10.755.900	4.762.350
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	61.999.800.000	61.999.800.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước	61.999.800.000	61.999.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	61.959.985.500	61.993.806.450
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước	61.959.985.500	61.993.806.450
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	50.570.400	10.755.900

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.799.920	24.799.920
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.799.920	24.799.920
- Cổ phiếu phổ thông	24.799.920	24.799.920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.799.920	24.799.920
- Cổ phiếu phổ thông	24.799.920	24.799.920
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	115.154.590.525	83.301.072.046

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-19/12/HĐ-IMPCo ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2025 các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.435.000.000	2.435.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	10.380.500.000	10.165.250.000
- Trên 5 năm	11.434.800.000	14.085.050.000
	24.250.300.000	26.685.300.000

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại địa chỉ số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-19/12/HĐ-IMPCo ngày 19/12/2018 và phụ lục số 01 ngày 26/08/2024. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê tài sản hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2025, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.789.325.000	2.656.500.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	12.623.456.000	12.022.339.000
- Trên 5 năm	15.343.889.000	18.734.331.000
	30.756.670.000	33.413.170.000

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê quyền sử dụng đất và khu chung cư công nhân Block 1 với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động số 12/HĐ-IMPCo ngày 10/05/2024 và phụ lục số 01 ngày 26/08/2024. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m², thời hạn thuê từ 01/01/2024 đến 31/12/2034 Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2025, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.306.462.500	1.244.250.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	5.912.568.000	5.631.017.500
- Trên 5 năm	7.186.763.000	8.774.776.000
	14.405.793.500	15.650.043.500

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade tại Lô số 23-4A2 và 23-8B2, Đường số 7, KCN Quốc tế Protrade, phường Tây Nam, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê hoạt động số SLA-PICL/089-2025 ngày 02/05/2025 để thực hiện di dời nhà máy. Thời hạn thuê đất từ ngày 02/05/2025 đến ngày 28/10/2057. Diện tích khu đất thuê là 17.015 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả toàn bộ tiền thuê đất theo đơn giá là 5.601.200 VND/m² tương ứng với tổng giá trị tiền thuê đất là 95.304.418.000 VND trước ngày 30/11/2025. Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền thuê và nhận bàn giao mặt bằng.

a) Tài sản thuê ngoài (tiếp theo):

Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang ký hợp đồng thuê đất số PICL/SLA.60 ngày 20/02/2018 với Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Protrade tại đường số 8B, số 7, Phường Nam Tây, TP. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2018 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 49.227,2 m². Theo hợp đồng này, Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê (Thuyết minh số 13).

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chủng loại, quy cách	Đvt	31/12/2025		01/01/2025	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
Vải các loại	Yard	62.269,93	Bình thường	109.279,09	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
- Đô la Mỹ (USD)	991.485,72	988.126,72
- Đồng Euro (EUR)	3.795,00	3.795,00

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.457.708.366.414	1.759.185.815.948
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	306.395.640.613	59.836.311.984
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	1.682.447.613	2.351.285.319
Doanh thu khác	277.779	12.453.624
	1.765.786.732.419	1.821.385.866.875

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	3.387.808.365	4.856.209.191
	3.387.808.365	4.856.209.191

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.233.717.439.770	1.435.459.536.366
Giá vốn dịch vụ gia công	239.480.956.634	60.969.149.765
Giá vốn của nguyên liệu, phế liệu đã bán	2.310.344.100	7.725.202.885
	1.475.508.740.504	1.504.153.889.016
	112.876.017.180	11.560.136.805

Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39).

25 .DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.320.986.691	9.403.101.752
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	32.532.865.976	46.080.691.854
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	211.925	405.920
	43.854.064.592	55.484.199.526

26 .CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.056.977.408	11.845.150.484
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.636.730.483	28.964.463.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.442.595.038	308.521.123
	35.136.302.929	41.118.135.008

27 .CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	4.970.919.037	5.041.055.094
Chi phí nhân công	1.433.077.202	1.008.850.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.309.632	46.309.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.789.079.402	11.040.290.040
Chi phí khác bằng tiền	-	35.395.909
	17.239.385.273	17.171.901.229

28 .CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng quản lý	2.752.803.688	3.224.743.037
Chi phí nhân công	85.850.588.638	79.818.826.107
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.367.960.350	1.433.781.547
Chi phí dự phòng	78.248.045	(87.750.000)
Thuế, phí, lệ phí	564.029.331	414.844.766
Phân bổ lợi thế thương mại	2.223.406.925	2.223.406.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.813.662.145	14.572.270.067
Chi phí khác bằng tiền	3.943.323.353	4.313.430.403
	107.594.022.475	105.913.552.852
	380.954.750	263.539.166

Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39).

29 .THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	13.636.364
Thu nhập từ bán phế liệu, thanh lý công cụ dụng cụ	-	41.709.525
Tiền hỗ trợ hàng mẫu	1.067.412.000	3.021.622.367
Tiền bồi thường nhận được	2.120.256.766	3.290.722.382
Thu nhập khác	89.547.423	503.928.552
	3.277.216.189	6.871.619.190

30 .CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu	6.266.244.344	110.474.283
Chi phí bồi thường	360.723.103	-
Chi phí khác	13.025.136	107.050.764
	6.639.992.583	217.525.047

31 .CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	38.642.243.244	41.924.287.275
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	6.101.091	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	38.648.344.335	41.924.287.275

32 .THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	8.246.853.799	14.799.490.548
	8.246.853.799	14.799.490.548
b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản hoãn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả	(6.552.636.749)	(7.247.523.765)
	(6.552.636.749)	(7.247.523.765)

33 .LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	125.019.390.165	164.275.444.455
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	125.019.390.165	164.275.444.455
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	24.799.920	24.799.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.041	6.624

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	906.623.781.429	907.518.110.922
Chi phí nhân công	475.907.537.799	449.469.534.842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.604.231.381	32.838.067.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.371.975.422	194.478.871.182
Chi phí khác bằng tiền	12.357.664.516	17.402.122.774
Chi phí dự phòng	78.248.045	-
	1.593.943.438.592	1.601.706.706.955

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro tài chính**
- Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.
- Rủi ro thị trường**
- Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.
- Rủi ro về tỷ giá hối đoái:
- Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...
- Rủi ro về lãi suất:
- Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.
- Rủi ro tín dụng**
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và tương đương tiền	39.440.639.275	-	-	39.440.639.275
Phải thu khách hàng, phải thu khác	308.751.184.842	279.729.826	-	309.030.914.668
Các khoản cho vay	186.523.398.636	-	-	186.523.398.636
	534.715.222.753	279.729.826	-	534.994.952.579
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và tương đương tiền	48.318.544.529	-	-	48.318.544.529
Phải thu khách hàng, phải thu khác	280.405.119.718	201.733.066	-	280.606.852.784
Các khoản cho vay	265.402.054.405	3.000.000.000	-	268.402.054.405
	594.125.718.652	3.201.733.066	-	597.327.451.718

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Các khoản vay	184.714.425.924	-	-	184.714.425.924
Phải trả người bán, phải trả khác	143.098.160.268	-	-	143.098.160.268
Chi phí phải trả	316.725.793	-	-	316.725.793
	328.129.311.985	-	-	328.129.311.985
Tại ngày 01/01/2025				
Các khoản vay	184.271.067.012	35.922.178.558	-	220.193.245.570
Phải trả người bán, phải trả khác	128.157.229.462	-	-	128.157.229.462
Chi phí phải trả	202.873.889	-	-	202.873.889
	312.631.170.363	35.922.178.558	-	348.553.348.921

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.553.877.174.989	1.673.471.992.286
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.590.161.743.280	1.659.452.586.345

37 . THÔNG TIN KHÁC

a) **Tạm trích Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2025**
Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 thông qua kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2025 với mức không quá 3,5%/lợi nhuận sau thuế. Trong năm 2025, Công ty thực hiện tạm trích và ghi nhận thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2025 vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

	Năm 2025
	VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (không bao gồm thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2025):	125.076.747.112
Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2025 tạm tính (3,5%/lợi nhuận sau thuế):	4.377.686.149

b) **Truy đóng bổ sung các khoản bảo hiểm tại Công ty mẹ**
Trong năm, Công ty tiến hành rà soát và thực hiện thủ tục truy đóng bổ sung các khoản bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN) cho 317 người lao động trong giai đoạn từ tháng 04/2021 đến tháng 06/2024. Nguyên nhân là do Công ty điều chỉnh bổ sung các khoản thưởng hoàn thành công việc vào thu nhập đóng bảo hiểm. Tổng số tiền truy đóng và các khoản phạt, lãi chậm nộp là 28.759.223.485 VND, trong đó, phần chi phí thuộc nghĩa vụ chi trả của Công ty là 15.840.918.527 VND; phần thuộc nghĩa vụ của người lao động là 7.945.162.596 VND và các khoản phạt, lãi chậm nộp là 4.973.142.362 VND. Ban Điều hành đã quyết định tạm ứng nộp toàn bộ số tiền trên cho Cơ quan Bảo hiểm và thu hồi phần của người lao động thông qua việc khấu trừ dần vào tiền lương hàng tháng (trong đó đã cần trừ vào tiền lương trong năm là 1.687.143.939 VND, còn lại phải thu là 6.258.018.657 VND).

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:	
Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Công ty con
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH YCH - Protrade	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Hưng Vương	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên HĐQT

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – CN Quận 7	Doanh nghiệp do ông Hứa Tuấn Cường - Thành viên Ban kiểm soát Công ty làm Giám đốc
Công ty cổ phần chứng khoán Saigonbank Berjaya (SBBS)	Doanh nghiệp do ông Hứa Tuấn Cường - Thành viên Ban kiểm soát Công ty làm Trưởng ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	112.876.017.180	11.560.136.805
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	6.335.750.000	6.050.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	441.067.720	471.094.935
- Công ty TNHH YCH - Protrade	-	79.429.210
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	106.099.199.460	4.959.612.660
Chi phí quản lý doanh nghiệp	380.954.750	263.539.166
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	212.913.662	199.473.845
- Công ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	380.954.750	263.539.166

Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập tại Công ty mẹ	
		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
		12.636.346.633	9.218.237.197
- Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.035.684.000	771.394.000
- Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	776.763.000	578.546.000
- Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	517.842.000	385.697.000
- Ông Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	3.006.126.290	2.359.606.129
- Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc	2.655.955.732	1.659.477.922
- Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 26/06/2025)	2.779.743.611	2.177.859.146
- Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)	517.842.000	385.697.000
- Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	517.842.000	385.697.000
- Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên Ban kiểm soát	414.274.000	308.558.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên Ban kiểm soát	414.274.000	205.705.000

Ngoài các giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 .SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Lê Văn Đông

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Thùy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức





V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được
kiểm toán giảm 23% so với năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**
Địa chỉ: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: 0274.3755143 Fax: 0274.3755415 Email: thuy.ltt@protrade.com.vn
Mã chứng khoán: **BDG**

- Căn cứ Thông tư 196/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty.
- Công ty giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2025 so với năm 2024 như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2025 (đồng)	Năm 2024 (đồng)	Tăng/(giảm)	
				Số tiền (đồng)	%
1	Lợi nhuận sau thuế	135.316.053.485	175.633.709.738	(40.317.656.253)	-23%

Nguyên nhân chủ yếu của sự sụt giảm này bao gồm:

- Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 25,5 tỷ đồng: Doanh thu thuần giảm 54,1 tỷ đồng so với năm trước, chủ yếu do sản lượng tiêu thụ giảm và giá bán bị điều chỉnh giảm dưới tác động của chính sách thuế từ thị trường Mỹ. Trong khi đó, giá vốn hàng bán chỉ giảm 28,6 tỷ đồng do chi phí lao động bao gồm tiền lương và các khoản bảo hiểm tăng theo quy định, làm thu hẹp biên lợi nhuận gộp.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 11,6 tỷ đồng: Chủ yếu do giảm lãi chênh lệch tỷ giá so với năm trước.
- Thu nhập khác giảm 3,6 tỷ đồng: Nguyên nhân do giảm các khoản thu từ bồi thường của các đơn vị cung cấp dịch vụ gia công bên ngoài.

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương giải trình nguyên nhân giảm lợi nhuận sau thuế như trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC




PHAN THÀNH ĐỨC






CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

 Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

 (0274) 3755143

 www.protradegarment.com

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THÀNH ĐỨC

